

LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO KINH CHÚ GIẢI

QUYỂN 4 (Phần 1)

Phẩm 4: NHẤT THIẾT PHẬT NGŨ TÂM

1. Đại Tuệ dùng ba hiệu làm câu hỏi:

“Khi ấy, Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin nói cho chúng con nghe về Tam-miệu Tam-phật-đà, con và các vị Đại Bồ-tát khác sẽ khéo thực hành tự giác giác tha đối với tự tánh của Như lai. Phật bảo Đại Tuệ: Cho ông tùy ý hỏi, hễ ông hỏi điều gì thì ta sẽ đáp điều đó. Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác là tác hay? Là chẳng tác quả hay nhân? Là tướng hay sở tướng? Là thuyết hay sở thuyết? Là giác hay sở giác? Nhưng câu như thế khác hay chẳng khác?”. Niết-bàn là pháp sở chứng, Như lai là người năng chứng. Đại Tuệ đã lãnh ngộ ý chỉ Niết-bàn, lại thưa hỏi Như lai là vì chúng sinh. Tam-miệu Tam-phật-đà Hán dịch là Chánh biến tri, cũng gọi là Chánh giác. Chánh biến tri, nghĩa là biết chân chánh, biết cùng khắp, biết chân chánh đối với trung, biết trùm khắp đối với bên. Như lai tự tánh gọi là pháp thân. Phật đã nhận lời câu thỉnh nên Đại Tuệ dùng đủ ba hiệu làm câu hỏi. Ba hiệu là ba đức. Như lai là pháp thân trung đế, ứng cúng giải thoát tục đế, chánh biến tri tức Bát-nhã chân đế. Thông hiểu có mười, mà đặc biệt hỏi ba câu này chính là điểm quan trọng ấy”. Tác “là tu trì tạo tác, nghĩa bao trùm nhân quả, sự tức quả. Tướng là thân tướng, thuyết là lời nói, giác là giác tri. Nghĩa là Như lai đối với bốn câu này là khác hay không?”

2. Cú nghĩa của Như lai được người trí nhận lấy:

“Phật bảo Đại Tuệ: Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác, đối với những câu như thế chẳng phải sự chẳng phải nhân. Vì sao? Vì đều có lỗi. Nay Đại Tuệ! Nếu Như lai là sự thì hoặc tác, hoặc vô thường. Vì vô

thường nên tất cả sự lẽ ra là Như lai, đều là điều chẳng muốn của ta và các Đức Phật. Nếu chẳng có sở tác thì không có sở đắc, nên phương tiện thì không, đồng với sừng thỏ và con của cô gái bất dục, vì không thật có. Nay Đại Tuệ! Nếu không sự, không nhân thì chẳng phải có, chẳng phải không. Nếu chẳng phải có chẳng phải không thì nằm ngoài bốn câu, bốn câu thuộc về lời nói của thế gian. Nếu ra ngoài bốn câu thì chẳng rơi vào bốn câu. Vì chẳng rơi vào bốn câu nên người trí nhận lấy. Tất cả cú nghĩa của Như lai cũng giống như thế, người trí tuệ nên biết”. Trong đây đáp, trước là trả lời câu hỏi. Chẳng phải sự, chẳng phải nhân tức phi nhân, phi quả, hợp lại nói chẳng phải tác chẳng phải không tác. Ý nói đều có lỗi, không phải chỉ nói riêng sự nhân mà thôi, chính nói Như lai hoặc chỉ là sự nhân, thì rơi vào lỗi hữu tác, nếu chẳng phải sự nhân thì rơi vào lỗi vô sở hữu. Nói Như lai là sự v.v... nghĩa là nếu Như lai chắc chắn phải dùng việc nhân quả v.v... thì là vô thường. Nếu là vô thường thì tất cả pháp sở tác lẽ ra là Như lai. Nhưng ta và các Đức Phật đều không muốn đồng với việc ấy. Nếu chẳng phải sở tác, thì phải khảo xét trên chẳng phải câu sự nhân, nghĩa là chẳng phải sở tác thì không thật có, vô sở đắc thì trí tuệ phương tiện đều là luống uổng, đồng với sừng thỏ, con của cô gái bất dục. Lại nói vô sự vô nhân, nghĩa là pháp thân đã phi hữu tác thì lia lỗi hữu vô, lia lỗi hữu vô thì ra ngoài bốn câu. Bốn câu là một khác, cùng, chẳng cùng, hữu vô, chẳng phải hữu, chẳng phải vô, thường, vô thường... Không rơi vào bốn câu này, đó gọi là cú nghĩa của Như lai, được người trí nhận lấy.

3. Cú nghĩa của Như lai không rơi vào bốn trường hợp:

“Như ta đã nói tất cả pháp vô ngã, phải biết nghĩa này, không ngã tánh là vô ngã. Tất cả pháp có tự tánh, không tha tánh như trâu, ngựa. Nay Đại Tuệ! Thí như chẳng phải trâu là ngựa, chẳng phải ngựa là trâu, thật ra chẳng phải có, chẳng phải không, kia chẳng phải không tự tánh. Cũng thế Nay Đại Tuệ! Tất cả các pháp chẳng phải vô tự tướng. Có tự tướng nhưng người ngu chẳng phải vô ngã thì không thể biết được, vì vọng tưởng. Cũng thế tất cả pháp không, vô sinh, vô tự tánh, nên biết như thế”: Trên đây là nói cú nghĩa của Như lai không rơi vào bốn câu, sợ người chưa thông hiểu cho rằng cú nghĩa của Như lai cũng chẳng phải thật tánh, cho nên nêu rõ ra đây. Như ta đã nói v.v... Phật dạy rằng “ta thường nói tất cả pháp vô ngã”. Vô ngã, nghĩa là không có tánh chấp, chẳng phải tánh vô tánh, cho nên nói có tự tánh, vô tha tánh, tha là đối lại với tự, ý nói câu Như lai tuy lia các câu nhưng chẳng phải không có tự tánh pháp thân thường trụ, lại dùng ví dụ để hiển bày, như trâu chỉ

có tánh của trâu mà không có tánh của ngựa, ngựa chỉ có tánh của ngựa mà không có tánh của trâu, cho nên nói chẳng phải hữu chẳng phải vô. Nghĩa là kia đều có tự tánh mà không có tha tánh. Kinh Nhập Lăng-già chép: Tất cả các pháp cũng giống như vậy, không có tự tướng, chẳng phải hữu tức hữu, nghĩa là chẳng những có tự tánh, mà còn có tự tướng, nhưng chẳng phải vô ngã, vô ngã tức Thanh văn, nghĩa là chẳng phải điều phàm phu biết được Tiểu thừa, không biết là do vọng tướng, phân biệt che lấp. Như thế tất cả pháp không v.v... nghĩa là tất cả pháp vô ngã cũng như vậy, để nói lên tất cả pháp không, tánh Như lai bất không; tất cả pháp vô sinh, pháp thân Như lai là sinh; tất cả pháp vô tự tánh mà Như lai có tánh thường trụ, cho nên nói nên biết như thế.

4. Luận thuyết khác nhau giữa pháp thân và năm ấm:

“Như lai và ấm chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác như thế. Nếu chẳng khác ấm thì lẽ ra vô thường, nếu khác ấm thì phương tiện sẽ không, nếu cả hai thì nên có khác. Như sừng trâu tương tự nên chẳng khác, dài ngắn khác nhau cho nên có khác, tất cả pháp cũng giống như thế. Nay Đại Tuệ! như con trâu sừng bên phải khác sừng bên trái, sừng bên trái khác sừng bên phải. Cũng thế dài ngắn, các thứ sắc mỗi sắc đều khác. Nay Đại Tuệ! Như lai đối với ấm, giới, nhập chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác”. Như lai Như thế trở xuống nghĩa là pháp thân và năm ấm đối luận, chẳng phải khác chẳng phải không khác. Ấm là khổ đạo, khổ đạo tức pháp thân cho nên chẳng khác, mê ngộ có khác cho nên chẳng phải không khác. Nếu nói pháp thân không khác năm ấm thì đó là pháp vô thường sinh diệt, nếu nói khác thì Như lai không có tướng toàn thể khởi dụng phương tiện làm lợi ích cho chúng sanh, cho nên nói là không, do đó nên pháp thân cùng ấm chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác. Nếu không hiểu rõ năm ấm tức là pháp thân thì cả hai có khác. Lại lấy sừng trâu làm ví dụ, sừng trâu tương tự thì không khác, dài ngắn khác nhau thì có khác. Tất cả các pháp cũng giống như vậy, nghĩa là pháp thân chẳng khác với tất cả pháp, chẳng phải không khác cũng giống như vậy. Lại dùng sừng trâu trái phải khác nhau để làm ví dụ, nghĩa là pháp thân vốn chỉ có một nhưng các pháp có khác, cũng như sừng trâu trái phải khác nhau. Văn tổng kết rất dễ hiểu.

5. Nói về pháp thân Như lai đối với đức giải thoát:

“Cũng thế Như lai và giải thoát chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Cũng thế Như lai lấy giải thoát gọi tên. Nếu Như lai khác giải thoát thì nên thành sắc tướng, vì sắc tướng thành nên vô thường. Nếu chẳng khác thì người tu hành được tướng nên không phân biệt, vì

người tu hành chấp phân biệt, cho nên chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác”. Đây là pháp thân Như lai đối với đức giải thoát. Nói Như lai dùng giải thoát gọi tên, là nói lên sự rốt ráo của Như lai. Bởi hiểu rõ kiết nghiệp tức là giải thoát, cho nên Như lai và giải thoát chẳng phải khác, chẳng phải không khác. Nếu nói khác giải thoát thì thân sắc tướng là vô thường. Nếu không khác thì người tu hành tương ứng với giải thoát, không khác nhân quả, người pháp, nhưng có năng sở phân biệt, cho nên kết luận rằng chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác.

6. Nói theo Bát-nhã và trí chướng đối nhau:

“Như thế trí và trí chướng chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác. Đây Đại Tuệ! Trí và trí chướng chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác, ấy là phi thường, phi vô thường, phi tác, phi sở tác, phi hữu vi, phi vô vi, phi giác, phi sở giác, phi tướng, phi sở tướng, phi ấm, phi dị ấm, phi đồng, phi bất đồng, phi nhất, phi dị, phi đồng, phi bất đồng, nên đều lia tất cả lượng”. Đây là y theo Bát-nhã và trí chướng đối nhau. Trí tức Bát-nhã, sở trí tức trí chướng. Y theo trước hợp lại mà nói, nếu khác thì lia chướng vô trí, nếu không khác thì chướng đâu phải là trí, nhưng nói chẳng khác, chẳng phải không khác là văn tóm lược đó thôi! Bát-nhã này và trí chướng chẳng phải khác, chẳng phải không khác, thì không hai không khác với pháp thân giải thoát, cho nên lại tổng kết mà nêu bày chung, nói phi thường, phi vô thường v.v... là Tổng kết không ngoài chẳng phải hai bên hiển bày trung đạo, chẳng phải năng sở nói lên một tướng, chẳng phải bốn câu nói lên quên lời. Lại nói lia tất cả lượng, lượng tức là số.

7. Tổng kết chỉ quy về pháp thân tự tánh:

“Lia tất cả lượng thì không có lời nói, không có lời nói thì vô sinh. Vô sinh thì vô diệt, vô diệt thì vắng lặng, vắng lặng là tự tánh Niết-bàn. Tự tánh Niết-bàn thì vô sự vô nhân, vô sự vô nhân thì không phan duyên. Không phan duyên thì vượt ngoài tất cả lưỡng đối, vượt ngoài tất cả lưỡng đối tức là Như lai. Như lai tức là Tam-miệu Tam-phật-đà. Đây Đại Tuệ! Ấy gọi là Tam-miệu Tam-phật-đà, Phật đà. Đây Đại Tuệ! Tam-miệu Tam-phật-đà, là lia tất cả căn lượng”. Xét rằng lia các ngôn lượng, tức là vô sinh vắng lặng tự tánh Niết-bàn. Đã hiểu rõ bản tánh lại là tông, kết luận nói là vô sự vô nhân, chỉ có một pháp thân cao vời độc lập, không thấy các pháp là chỗ phan duyên, cho nên vượt ngoài tất cả lưỡng đối, gọi là Tam-miệu Tam-phật-đà. Lặp lại tiếng Phật-đà là dịch khác với tri giác, tổng kết hai tên. Nói đến chỗ này có thể nói là cùng cực. Nhưng lại lặp lại lia tất cả căn lượng là tổng kết trả lời câu hỏi chỉ

quy về pháp thân tự tánh.

8. *Tụng chung về Phật-đà lia tướng:*

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng.

*“Lìa hết các căn lượng
Vô sự cũng vô nhân
Đã lìa giác, sở giác
Cũng lìa tướng, sở tướng
Ấm duyên Đẳng chánh giác
Một, khác không thể thấy
Nếu không có người thấy
Làm sao mà phân biệt
Chẳng tác, chẳng bất tác
Chẳng sự cũng chẳng nhân
Chẳng ấm chẳng ở ấm
Cũng chẳng có dư tạp
Cũng chẳng có các tánh
Như kia vọng tưởng chấp
Nên biết cũng chẳng vô
Pháp pháp này cũng thế”.*

Điều xa lìa hết trở xuống bốn câu là tụng chung về Phật-đà lia tướng. Ấm duyên, ấm là năm ấm, duyên là duyên của phan duyên như giới nhập v.v... Chánh giác tức pháp thân. Một khác chớ nên thấy, đã không người năng thấy, thì đâu có pháp một khác để phân biệt ư! Bốn câu Phi tác... chính là nói lên pháp thân trung đạo. Dư tạp là lỗi của các pháp. Cũng phi hữu trở xuống bốn câu, là lìa hai chấp hữu vô. Nói pháp thể của Như lai là do phạm phu vọng tưởng phân biệt mà thấy. Tuy lìa các tướng mà cũng chẳng phải không có thật tướng để thấy. Pháp pháp này cũng như thế, nghĩa là pháp thân này chẳng thể nói có chẳng thể nói không, pháp vốn như vậy.

9. *Có, không đối đãi nhau mà lập:*

*“Vì hữu nên có vô
Vì vô nên có hữu
Nếu không chẳng nên thọ
Nếu có chẳng nên tưởng
Hoặc đối ngã phi ngã
Lời nói lượng không dứt
Chìm đắm ở hai bên
Tự hoại, hoại thế gian*

*Giải thoát tất cả lỗi
Chính quán sát ngã thông
Đó gọi là chánh quán
Chẳng hủy Đại đạo sư”.*

Vì có nên không vì không nên có, đây là có không đối đãi nhau mà lập. Có không mỗi pháp đã không có tự thể thì đâu nên chấp chặt, cho nên nói chẳng nên thọ, chẳng nên tưởng. Kia hoặc chưa hiểu hai ngã vốn không, dính mắc lời nói, đây là đắm chìm trong hai kiến chấp hữu vô, chẳng những hoại mình mà còn hoại người, làm sao mà ra khỏi sinh tử được. Nếu thông hiểu được pháp thân, giải thoát tự tại, lìa tất cả lỗi, thì đó gọi là quán sát thông suốt, không chê bai Phật.

10. Dùng bất sinh bất diệt để lìa hữu vô:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Như Đức Thế tôn nói Tu-đa-la “Nhiếp Thọ bất sinh bất diệt”. Thế tôn lại nói chẳng sinh chẳng diệt là tên khác của Như lai. Vì sao Thế tôn là vô tánh nên nói bất sinh bất diệt cho là tên khác của Như lai. Phật bảo Đại Tuệ: Ta nói tất cả pháp chẳng sinh chẳng diệt, các thứ hữu vô chẳng hiện. Đại Tuệ bạch Phật: Thế tôn! Nếu tất cả pháp bất sinh thì pháp nhiếp thọ không thật có, vì tất cả pháp chẳng sinh. Nếu trong danh tự có pháp, cúi xin Đức Thế tôn nói cho con nghe. Phật bảo Đại Tuệ: Lành thay! Lành thay! Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông nghe. Đại Tuệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo”.

Phật bảo Đại Tuệ: Ta nói Như lai chẳng phải vô tánh, cũng chẳng phải bất sinh bất diệt, nhiếp tất cả pháp. Vì chẳng đơi duyên nên bất sinh bất diệt, cũng chẳng phải vô nghĩa. Trong kinh nói bất sinh bất diệt, là chẳng phải một, ý chỉ cho điều được giải thích chẳng phải không có đồng khác. Như nói Tu-đa-la nhiếp thọ bất sinh bất diệt, nhiếp thọ nghĩa là xả bỏ nhiếp thọ lý kia. Lại nói đây là tên khác của Như lai, Đại Tuệ cho rằng bất sinh bất diệt là nghĩa vô tánh. Vì sao gọi là tên khác, chẳng lẽ Như lai cũng là vô tánh ư! Phật đáp dùng bất sinh bất diệt để lìa hữu vô, cho nên nói các thứ hữu vô chẳng hiện. Đây là dùng một lời đáp hai câu hỏi kia. Đại Tuệ lại cho rằng bất hiện là bất sinh. Nếu tất cả pháp bất sinh thì đâu phải tên khác của Như lai. Nếu là tên khác thì đối với danh tự chẳng lẽ cũng có nghĩa pháp bất sinh, cho nên lại đặt câu hỏi. Trong đây đáp rằng chẳng phải vô tánh, nghĩa là Như lai chẳng phải pháp vô, cũng chẳng phải nhiếp thủ bất sinh bất diệt, cũng chẳng đơi duyên sinh diệt mà nói bất sinh bất diệt. Nói cũng chẳng phải vô nghĩa, ở văn sau sẽ trả lời.

11. Ý sinh pháp thân là danh hiệu của Như lai:

Này “Đại Tuệ! Ta nói ý sinh pháp thân là danh hiệu của Như lai. Bất sinh chẳng phải là cảnh giới của tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát Thất trụ. Này Đại Tuệ! Chẳng sinh là tên khác của Như lai. Này Đại Tuệ! Thí như Nhân-đà-la Thích-ca, Bất-lan-đà-la những vật như thế, mỗi mỗi vật đều có nhiều tên, cũng chẳng phải có nhiều tên mà có nhiều tánh, cũng chẳng phải vô tự tánh”. Nói ta nói thân ý sinh v.v... vẫn kia cũng tóm lược, nên nói ta nói bất sinh bất diệt là nghĩa bất sinh, bất sinh mà sinh là tên khác của tất cả pháp thân đều từ đây mà ra, cho nên nói ý sinh pháp thân là danh hiệu của Như lai. Nói bất sinh kia là lặp lại nghĩa tất cả pháp bất sinh ở trên. Nhưng chẳng sinh ở đây là con đường rốt ráo của Như lai. Chẳng phải trình độ của ngoại đạo thiên chấp, cho nên nói chẳng phải cảnh giới của họ. Thất trụ tức là Địa thứ bảy, vì Bồ-tát Thông giáo đến Địa thứ tám mới chứng Vô sinh, do đó bất sinh là tên khác của Như lai, tức bất sinh bất diệt gọi là nghiêng về nghĩa Viên giáo, chính là nghĩa ở đây. Thí như Nhân-đà-la v.v... đây dẫn tên khác của trời Đế-thích, hướng chi là tên khác của Như lai chẳng phải một. Vì địa vị an trụ của Đế-thích và hư không cho đến tay chân, tùy theo mỗi vật đều có tên khác, tên kia tuy nhiều người chỉ có một, cho nên không nhiều tánh tùy vật mà hiển bày nghĩa, chẳng phải vô tự tánh.

12. Trăm ngàn danh hiệu không thêm không bớt:

“Cũng thế Này Đại Tuệ! Ta ở thế giới Ta-bà này, trải ba A-tăng-kỳ có trăm ngàn danh hiệu. Kẻ ngu thấy đều nghe, mỗi người gọi tên ta mà không hiểu đó là tên khác của Như lai. Này Đại Tuệ! Hoặc có chúng sinh biết ta là Như lai, có chúng sinh biết ta là Nhất thiết trí, có chúng sinh biết ta là Phật, có chúng sinh biết ta có là đấng cứu thế, có chúng sinh biết ta là tự giác, có chúng sinh biết là Đạo sư, có chúng sinh biết ta là Quảng đạo, có chúng sinh biết ta là Nhất thiết đạo, có chúng sinh biết ta là Tiên nhân, có chúng sinh biết ta là Phạm, có chúng sinh biết ta là Tỳ-nữ, có chúng sinh biết ta là Tự tại, có chúng sinh biết ta là Thắng, có chúng sinh biết ta là Ca-tỳ-la, có chúng sinh biết ta là Chân Thật biện, có chúng sinh biết ta là Nguyệt, có chúng sinh biết ta là Nhật, có chúng sinh biết ta là Chủ, có chúng sinh biết ta là Vô sinh, có chúng sinh biết ta là Vô diệt, có chúng sinh biết ta là Như Như, có chúng sinh biết ta là Đế, có chúng sinh biết ta là Thật tế, có chúng sinh biết ta là Pháp tánh, có chúng sinh biết ta là Niết-bàn, có chúng sinh biết ta là Thường, có chúng sinh biết ta là Bình đẳng, có chúng sinh biết ta là Bất nhị, có chúng sinh biết ta là Vô tướng,

có chúng biết ta là Giải thoát, có chúng biết ta là đạo, có chúng sinh biết ta là ý sinh. Đại Tuệ trải qua ba A-tăng-kỳ có trăm ngàn danh hiệu như thế, chẳng thêm chẳng bớt, thế giới này và thế giới khác thấy đều biết ta như trăng đáy nước chẳng ra chẳng vào”.

Ta ở thế giới Ta-bà có trăm ngàn danh hiệu này chỉ nêu ba mươi ba tên khác nhau, người ngu thấy đều nghe mỗi người nói tên ta, nghĩa là mỗi tên đều có nghĩa, mà không biết tên khác của Như lai, cho nên không biết thế ấy là một, vốn bất sinh không diệt. Cho đến nói trải qua ba a-tăng-kỳ có trăm ngàn danh hiệu như thế. A-tăng-kỳ, Hán dịch là vô số thời, đây chính thành quả lập ra giáo hóa của Như lai. Trăm ngàn danh hiệu không thêm không bớt, bởi lẽ nêu lên một danh hiệu thì thâm nhiếp tên gọi các pháp, ở nhiều không thêm ở một không bớt, cõi này, cõi khác đều biết danh hiệu Phật. Nói như trăng đáy nước chẳng ra chẳng vào, trăng dụ cho ứng thân, nước dụ cho tâm chúng sinh, tâm chúng sinh thanh tịnh Như lai liền ứng, như trăng đáy nước. Nhưng trăng ở hư không bóng hiện đáy nước, mà trăng không rơi xuống, cho nên nói không vào, cũng không lìa nước cho nên nói không ra.

13. Đối với tất cả pháp chỗ nào cũng mê chấp:

“Các kẻ ngu kia không thể biết ta, vì họ rơi vào hai bên. Nhưng họ đều cung kính cúng dường ta, mà không khéo hiểu biết nghĩa thú của câu lời, chẳng phân biệt được danh, chẳng hiểu tự thông. Chấp chặt các thứ lời nói dương cú, đối với bất sinh bất diệt nghĩ là vô tánh, chẳng biết danh hiệu Như lai khác nhau, như Nhân-đà-la Thích-ca, Bất-lan-đà-la, mà chẳng hiểu tự thông bội quy về chỗ cùng tột, đối với tất cả pháp chỗ nào cũng chấp đắm”. Nay Đại Tuệ! Các kẻ ngu kia... giải thích lại ngoại đạo kia không biết bất sinh bất diệt vốn là ứng thân trung đạo, nên rơi vào hai bên hữu vô. Tuy đều có việc cung kính mà không thể biết rõ danh tự cú nghĩa, cho nên nói chẳng phân biệt được danh, chẳng hiểu tự thông. Do chấp đắm ngôn giáo, mê muội thật lý, cho rằng bất sinh bất diệt là vô thể tánh, cho nên đối với các danh hiệu khác nhau của Như lai đều không biết. Như không biết Nhân-đà-la v.v... đều tên khác của trời Đế-thích. Đã chẳng hiểu tự thông trở về chỗ cùng tột thì đối với tất cả các pháp tùy lời mà sinh kiến chấp, cho nên nói tùy lời mà chấp đắm.

14. Chẳng phải Như lai không nói pháp:

Này “Đại Tuệ! Những người si mê kia nói như vậy”: Nghĩa như lời nói, nghĩa nói không khác Vì sao? Vì nghĩa không có thân cho nên ngoài lời nói không còn có nghĩa nào khác, chỉ dừng nơi lời nói. Nay

Đại Tuệ! Kia bị ác thiêu đốt trí, chẳng biết tự tánh lời nói, chẳng biết nghĩa sinh diệt của lời nói, là bất sinh diệt. Nay Đại Tuệ! Tất cả lời nói rơi vào văn tự, nghĩa thì chẳng rơi, lìa tánh, phi tánh, không thọ sinh cũng vô thân. Nay Đại Tuệ! Như lai chẳng nói pháp rơi vào văn tự, vì văn tự hữu vô không thật có, trừ chẳng rơi vào văn tự”. Đoạn này chỉ bày lại việc quên tên thì không thừa nhận, nghĩa như lời nói v.v... Xét rằng có nghĩa năng thuyết văn tự, có nghĩa sở thuyết đạo lý. Người si mê đạo lý thì nói nghĩa văn tự như chỗ lời nói, nghĩa là nghĩa sở thuyết không có khác. Đã trưng dẫn giải thích cho rằng vì nghĩa vô thân, thân tức là thể. Nói nghĩa văn tự năng thuyết lại không có thể, do không biết nghĩa đạo lý sở thuyết, nên vượt ra ngoài lời nói, chỉ dừng nơi lời nói mà thôi. Do ác kiến kia thiêu đốt tiêu diệt chánh trí, chẳng biết ngôn giáo Như lai. Nói nghĩa sinh diệt là vô sinh diệt, nhưng tất cả lời nói rơi vào văn tự, nghĩa thì chẳng rơi. Nói lìa tánh phi tánh, đó là lìa lỗi hữu vô. Đã lìa lỗi ấy thì không còn thọ sinh, cũng không có thể tướng, đó gọi là ý chỉ ngoài lời nói. Như lai chẳng nói pháp rơi vào văn tự, nghĩa là lìa tánh văn tự lìa, tức là giải thoát. Không thể dùng hữu vô cầu mong, vậy thì Như lai chẳng phải không nói pháp. Nếu có lìa văn tự mà hiểu thì gọi là nói.

15. Như lai nói tức không nói:

Này “Đại Tuệ! Nếu có người nói rằng: “Như lai nói pháp rơi vào văn tự” thì người này nói dối, vì pháp lìa văn tự. Cho nên Này Đại Tuệ! Các Phật và các vị Bồ-tát của chúng ta không nói một chữ, chẳng đáp một chữ. Vì sao? Vì pháp lìa văn tự chẳng phải không có nghĩa lợi ích. Lời nói là vọng tưởng của chúng sinh. Nay Đại Tuệ! Nếu chẳng nói tất cả pháp thì giáo pháp sẽ hoại. Giáo pháp hoại thì không có các Đức Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn, nếu không thì ai nói và vì ai?”. Nếu có người không hiểu Như lai nói tức không nói, nghĩa là nói pháp rơi vào văn tự, thì đó là chê bai Phật pháp, cho nên nói đây là nói dối. Lại bảo Đại Tuệ rằng: ta và các Đức Phật, Bồ-tát không hề nói một chữ, đáp một lời, vì tánh lìa văn tự. Chẳng phải không có nghĩa lợi ích mà nói, tức là chẳng phải không tùy nghi giảng nói làm lợi ích cho chúng sinh. Nhưng nói tức không nói, hoặc cho rằng có nói, ấy là do phàm ngu vọng tưởng phân biệt đó thôi! Y theo lý thì bật lời trùm duyên có thể nói, nói thì thành giáo. Nếu có duyên mà không nói thì giáo pháp không lập. Nếu giáo không lập thì căn cơ Đại thừa, Tiểu thừa không có phần tu chứng, như vậy thì ai là người độ, ai là người được độ, mà lập ra căn cơ giáo pháp ư!

16. Chấp lời nói thì sẽ thành bệnh:

“Cho nên Đây Đại Tuệ! Đại Bồ-tát chớ chấp vào lời nói, tùy nghi phương tiện nói rộng kinh pháp. Vì phiền não hy vọng của chúng sinh chẳng phải một, nên ta và các Đức Phật tùy các thứ hiểu biết khác nhau của chúng sinh mà nói các pháp, giúp cho lìa tâm, ý, ý thức, chẳng phải vì được chỗ tự giác Thánh trí”.

Pháp tất nhiên chẳng thể không nói, nếu chấp lời nói thì sẽ thành bệnh, cho nên bảo rằng chớ chấp lời nói. Nhưng tùy nghi phương tiện mà nói, vì căn cơ chúng sinh ưa thích khác nhau, phiền não chẳng phải một, ta và các Đức Phật đều nói như thế, nhưng căn cơ của chúng sinh kia tất nhiên chưa được chỗ Thánh trí tự giác, hễ có thể do lìa vọng tưởng tâm thức thì gọi là nói.

17. Phải khéo hiểu biết tất cả giáo pháp:

Này “Đại Tuệ! Đối với tất cả các pháp không thật có, giác tự tâm hiện lượng, lìa hai thứ vọng tưởng. Các vị Đại Bồ-tát y theo nghĩa, chẳng y theo văn tự. Nếu người thiện nam, người thiện nữ y theo văn tự là tự hoại Đệ nhất nghĩa, cũng không thể giác ngộ cho người, rơi vào ác kiến nối nhau mà vì chúng nói, chẳng khéo biết rõ tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng, cũng chẳng biết chương cú. Nếu người khéo biết tất cả pháp, tất cả tướng, tất cả địa, thông hiểu chương cú, đầy đủ tánh nghĩa thì họ hay dùng chánh lạc vô tướng, để tự vui thích, bình đẳng Đại thừa dựng lập cho chúng sinh”. Tất cả pháp không thật có v.v... Kinh Nhập Lăng-già chép: khiến biết các pháp tự tâm hiện, không có cảnh giới bên ngoài, lìa hai thứ vọng tưởng năng thuyết sở thuyết. Lại khuyên răn học giả rằng: Phải y theo nghĩa không y theo tự, nếu y theo văn tự thì hại nghĩa, đâu thể giúp cho người khác được lợi ích. Nói rơi vào ác kiến nối nhau v.v... thì đối với lời nói nối nhau chấp đấm mà nói cho người nghe. Đây chính là không khéo hiểu biết tất cả giáo pháp, tướng, địa, trụ, nhân, quả và chương, đoạn, cú, nghĩa. Nếu khéo hiểu các nghĩa này thì sẽ ưa thích vô tướng, giúp các chúng sinh an trụ Đại thừa bình đẳng.

18. Tuy là pháp Đại thừa nhưng không nên gặp ai cũng nói:

Này “Đại Tuệ! Nhiếp thọ Đại thừa thì nhiếp thọ các Đức Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn. Nhiếp thọ các Đức Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn thì nhiếp thọ tất cả chúng sinh. Nhiếp thọ tất cả chúng sinh thì nhiếp thọ chánh pháp. Nhiếp thọ chánh pháp thì hạt giống Phật chẳng hư, hạt giống Phật chẳng hư thì biết rõ được chỗ vào cao siêu. Biết được chỗ vào cao siêu là các Đại Bồ-tát thường được hóa sinh, lập ra Đại thừa thần thông tự tại, hiện các sắc tướng, thông đạt các tướng

phiền não hy vọng của loại hình chúng sinh, nói pháp đúng như thật. Như thật là chẳng khác, như thật là tướng chẳng đến chẳng đi, tất cả luống dối đều dứt, đó gọi là như thật. Nay Đại Tuệ! Thiện nam, thiện nữ chẳng nên nhiếp thọ theo lời nói mà chấp đắm. Vì chân thật là lìa văn tự”. Đây là nói theo văn trên, đã nhiếp thọ pháp Đại thừa thì tất cả Thánh phàm không thể không nhiếp thọ, như vậy gọi là chánh pháp, là hạt giống Phật, là biết rõ được chỗ vào cao siêu tự giác Thánh. Được vào rồi thì sẽ khởi dụng giáo hóa chúng sinh, dựng lập Đại thừa. Mười lực vô úy tùy loại hiện hình, an ủi các khao khát mong dứt bỏ các phiền não, giảng nói pháp đúng như thật. Pháp như thật này chẳng có tên gọi khác, bất tướng đến đi, tất cả lời nói suông thấy đều dứt hết. Nhưng pháp như thật, tuy là Đại thừa nhưng không nên gặp ai cũng nói làm cho họ chấp đắm, do lìa văn tự gọi là chân thật.

19. Mê đắm lời nói thì mất thật nghĩa bậc nhất:

Này “Đại Tuệ! Như dùng ngón tay chỉ vật cho kẻ ngu thấy, kẻ ngu nhìn ngón tay mà chẳng thấy vật thật. Cũng thế, kẻ ngu y theo lời nói chỉ bày rồi nhiếp thọ chấp đắm, không bao giờ bỏ, không bao giờ lìa được lời nói, chỉ ra đệ nhất thật nghĩa lìa. Nay Đại Tuệ! Thí như đưa bé nên cho thức ăn chín, không nên cho thức ăn sống. Nếu cho thức ăn sống thì nó sinh bụng, vì không biết phương tiện thứ lớp làm cho chín. Nay Đại Tuệ! Chẳng sinh chẳng diệt như thế, nếu chẳng có phương tiện tu hành tức là chẳng khéo, cho nên phải khéo tu phương tiện, chớ theo lời nói như nhìn ngón tay”. Đây dùng hai ví dụ để nói lên tướng được, mất: 1. Dùng ngón tay chỉ vật, là dụ cho nghĩa thật của lời nói. 2. Dùng trẻ con ăn thức ăn chín, là dụ phương tiện tu pháp, nhưng đều hiểu rõ lý kia có được có mất, mê đắm lời nói thì mất đệ nhất thật nghĩa. Như chỉ nhìn ngón tay thì không thấy vật, không khéo tu phương tiện thì không khéo hợp lý bất sinh bất diệt, như trẻ con ăn thức ăn sống mà không ăn thức ăn chín, như thế mà không bị sinh bụng thật may mắn. Cho nên lại răn rằng: Khéo phương tiện tu hành chớ theo lời nói.

20. Phải là quên lời được ý:

“Thế nên Nay Đại Tuệ! Đối với nghĩa chân thật phải phương tiện tu. Nghĩa chân thật là vắng lặng nhiệm mầu, là nhân Niết-bàn. Còn lời nói là do vọng tưởng hợp, vọng tưởng là do nhóm hợp sinh tử. Nay Đại Tuệ! Nghĩa chân thật là từ học rộng mà được. Nay Đại Tuệ! Học rộng là giỏi về nghĩa, chẳng phải giỏi về lời nói. Giỏi nghĩa là không theo các kinh luận của ngoại đạo, tự thân chẳng theo cũng không bảo người theo, đó gọi là Đại đức học rộng. Cho nên người muốn cầu nghĩa phải

gần gũi bậc học rộng, nên gọi là giỏi nghĩa. Trái với người này, chấp đắm lời nói, nên phải lìa xa”: Nghĩa chân thật lìa tướng lời nói, cho nên nói lặng lẽ nhiệm mầu. Nếu lý này hiển tức là quả Niết-bàn, chưa hiển gọi là nhân. Nếu chấp lời nói không hợp với thật nghĩa thì hòa hợp với vọng tưởng để thành nhân sinh tử. Nhưng nghĩa chân thật này, phải do văn tuệ mà được, lại nói giỏi nơi nghĩa thì chẳng những luống học rộng mà thôi, chủ yếu là quyên lời được ý. Nếu theo lời nói mà sinh chấp đắm thì đâu khác ngoại đạo. Vì giỏi về nghĩa thì mình và người không lầm lời nói bên ngoài, đó gọi là Đại đức học rộng, cho nên người học Đại thừa, không thể không gần gũi bậc Đại đức học rộng, nếu không thì không giỏi nghĩa, rơi vào lời nói, cho nên lại khuyến bảo.

21. *Bồ-tát Đại Tuệ nêu bốn câu hỏi:*

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại nương oai thần Phật mà bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Đức Thế tôn nói về “chẳng sinh chẳng diệt” không có gì kỳ lạ đặc biệt. Vì sao? Vì tất cả ngoại đạo về nhân cũng nói “chẳng sinh chẳng diệt”. Thế tôn cũng nói hư không chẳng phải số duyên diệt và cõi Niết-bàn bất sinh bất diệt. Thế tôn! Ngoại đạo nói nhân sinh các thế gian. Thế tôn cũng nói vô minh, ái, nghiệp, vọng tưởng làm duyên sinh các thế gian. Kia do duyên này gọi là khác nhau nhân duyên của vật bên ngoài cũng giống như thế. Thế tôn cùng ngoại đạo luận chẳng có khác nhau. Cát bụi, thăng diêu, tự tại, chúng sinh chủ... chín vật như thế bất sinh bất diệt. Thế tôn cũng nói tất cả tánh bất sinh bất diệt, hữu vô, không thật có. Ngoại đạo cũng nói bốn đại chẳng hoại, tự tánh bất sinh bất diệt, bốn đại thường là bốn đại, cho đến trôi lăn khắp các đường chẳng bỏ tự tánh. Lời Thế tôn nói cũng giống như thế. Cho nên ta nói không có gì kỳ lạ đặc biệt, cúi mong Đức Thế tôn nói cho chúng con nghe chỗ khác nhau, vì sao kỳ lạ đặc biệt hơn các ngoại đạo. Nếu không khác nhau thì tất cả ngoại đạo đều cũng là Phật, vì bất sinh bất diệt. Nhưng, Thế tôn nói trong một thế giới có nhiều Phật ra đời là điều không bao giờ có. Như trước đã nói trong một thế giới lẽ ra nên có nhiều Phật, vì không khác nhau”:

Đoạn trên nói “bất sinh bất diệt”, là nói về chánh giáo, chưa phân biệt lý do khác với ngoại đạo. Vì vậy nên Đại Tuệ lại đặt câu hỏi về đồng, khác. Gồm có bốn vấn nạn.

1. Lấy nhân sinh ra pháp ngoại đạo nói và ba pháp vô vi Phật đã nói làm vấn hỏi, hư không tức hư không vô vi, phi số duyên diệt tức phi trạch diệt, vô vi Niết-bàn tức là trạch diệt vô vi.

2. Dùng nhân sinh kia và mười hai duyên sinh do Phật nói làm

vấn hỏi.

3. Dùng cát bụi v.v... sinh và tất cả tánh chẳng sinh diệt do Phật nói làm vấn hỏi. Chín vật gồm: a) Thời, b) Phương, c) Hư không, d) Cát bụi, e) Bốn đại chủng, f) Đại Phạm thiên, j) Trời Thắng diệu, h) trời Đại tự tại, l) Chúng sinh chủ, tức thần ngã.

4. Lấy bốn đại do kia nói và bốn đại do Thế tôn nói làm vấn hỏi. Đây đều do ngoại đạo nói đồng với Phật nói. Như văn rất dễ hiểu.

22. *Chỉ cần giác tự tâm hiện lượng thì vọng tưởng chẳng sinh:*

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Ta nói bất sinh bất diệt, khác với bất sinh bất diệt mà ngoại đạo nói. Vì sao? vì các ngoại đạo kia chấp có tánh, tự tánh, được tướng bất sinh bất biến, ta chẳng rơi vào loại hữu vô như thế. Nay Đại Tuệ! Ta nói lia hữu vô chẳng phải tánh, chẳng phải không tánh, như các thứ huyễn, mộng hiện, cho nên chẳng phải vô tánh. Thế nào là vô tánh? Nghĩa là sắc vô tự tánh tướng nhiếp thọ, vì hiện, chẳng hiện, vì nhiếp, chẳng nhiếp. Bởi lẽ ấy tất cả tánh, vô tánh chẳng phải vô tánh. Chỉ giác tự tâm hiện lượng thì vọng tưởng bất sinh, an ổn vui sướng, việc đời dứt hẳn”.

Trong đây đáp, trước là bác bỏ điều sai, sau đó nêu điều đúng. Nói ngoại đạo có tánh tự tánh v.v... nghĩa là ngoại đạo nói tánh có tự tánh, như nói bốn đại là thường, do tánh cứng, ướt, ấm, động đều chẳng hoại chẳng loạn, cho là được tướng bất sinh bất biến, nhưng cũng đắm tâm vọng chấp. Tuy nói bất sinh bất diệt, mà thật có sinh diệt, rơi vào hữu vô, Phật dạy ta chẳng phải như thế, ta nói bất sinh bất diệt lia hữu vô sinh diệt, chẳng phải có, chẳng phải không, như huyễn mộng sắc hiện, đó chẳng phải Vô Sắc, tánh không thật có, đó là phi hữu. Nói sắc vô tự tánh tướng nhiếp thọ, vì sắc tướng mộng huyễn vốn chẳng thật có, người ngu vọng tưởng nên hiện, thật ra chẳng hiện. Vọng tâm nhiếp lấy, thật không thể nhiếp lấy, cho nên biết tất cả các pháp cũng chẳng phải có, chẳng phải không, nhưng hiểu rõ các pháp chỉ do tâm hiện, ngoài tâm không có cảnh, cho nên vọng tưởng tự diệt, được an vui Niết-bàn, dứt hẳn sinh tử.

23. *Vọng tưởng chẳng thật như thành càn-thát-bà và người huyễn hóa:*

“Phàm phu ngu si vọng tưởng tác sự chẳng phải các bậc Thánh hiền. Vọng tưởng chẳng thật, như thành Càn-thát-bà và người huyễn hóa. Nay Đại Tuệ! Như thành Càn-thát-bà và người huyễn hóa thấy các chúng sinh mua bán ra vào. Kẻ ngu vọng tưởng nói thật có ra vào, mà thật không có người ra người vào, chỉ vì vọng tưởng. Cho nên Nay Đại

Tuệ! Phàm phu ngu si lầm tưởng cho rằng bất sinh bất diệt, kia cũng không có hữu vi vô vi, như người huyễn sinh, thật ra không có hoặc sinh hoặc diệt, vì tánh vô tánh chẳng thật có. Tất cả pháp cũng giống như thế, xa lìa sinh diệt. Phàm phu ngu si rơi vào bất như thật, khởi vọng tưởng sinh diệt chẳng phải các hiền Thánh”: Sinh diệt hữu vi ở thế gian khởi do vọng tâm, đây chính là phàm phu mê loạn, cho nên nói chẳng phải Hiền Thánh. Thành Càn-thát-bà dụ cho vọng cảnh chẳng thật, như vẫn có thể thấy. Kẻ ngu khởi lầm bất sinh bất diệt, vọng tưởng kia vốn là sinh diệt, vọng cho rằng bất sinh không diệt. Kia cũng không có hữu vi vô vi, là nói kia không bỏ hữu vi, đó là thật không biết sinh diệt là không, vô vi đó là thật không biết vô sinh diệt. Như thấy người huyễn sinh, thật ra không có sinh diệt, tất cả các pháp cũng giống như vậy, kẻ ngu sở dĩ sanh ra vọng tưởng là do không thấy lý như thật, rơi vào luống dối, Thánh Hiền thì không như vậy.

24. *Sở dĩ là Thánh Hiền là do hiểu rõ vọng tưởng tức chân thật:*

“Chẳng như thật, là chẳng thế, như tánh tự tánh vọng tưởng cũng chẳng khác. Nếu khác với vọng tưởng thì chấp đắm tất cả tánh tự tánh, chẳng thấy vắng lặng, vì không thấy vắng lặng nên cuối cùng chẳng rời vọng tưởng. Cho nên Đây Đại Tuệ! Vô tướng kiến là thắng chẳng phải như tướng kiến. Tướng kiến là nhân thọ sinh cho nên không thắng. Đây Đại Tuệ! Vô tướng là vọng tưởng bất sinh, chẳng khởi, chẳng diệt, ta nói là Niết-bàn. Đây Đại Tuệ! Niết-bàn là thấy nghĩa chân thật, lìa vọng tưởng tâm, tâm sở pháp ở trước. Đạt được Như lai tự giác Thánh trí, ta nói là Niết-bàn”. Nói không như thật, Kinh Nhập Lăng-già chép: Luống dối là không đúng như pháp tánh, nghĩa là khác với Thánh hiền. Thánh hiền sở dĩ là Thánh hiền, là do hiểu rõ vọng tưởng tức chân thật, chẳng phải có vọng tưởng riêng. Như phàm phu kia tánh tự tánh vọng tưởng vốn cũng chẳng khác với lý như thật. Nếu nói rằng lý như thật khác với vọng tưởng, thì chấp đắm tự tánh các pháp không thấy thể, xưa nay vắng lặng, không thấy thể này, nên vọng tưởng tình chấp không thể xa lìa. Nói vô tướng kiến là thắng: đã nói chấp tướng không thấy vắng lặng, thì muốn thấy vắng lặng nên lấy vô tướng làm thắng, chẳng phải tướng kiến. Vì chấp tướng kiến là nhân của sinh tử, cho nên không gọi là thắng, nhưng vô tướng là lìa vọng tưởng, khế hợp với bất sinh bất diệt, đó là Phật nói Niết-bàn rốt ráo. Lại nói rằng: Niết-bàn là thấy nghĩa chân thật, chưa thấy Niết-bàn là do tâm sở vọng tưởng ở trước, nếu lìa được tất cả thì đạt đến địa vị Phật.

25. *Đức Phật nói hệ để lập lại nghĩa trên:*

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Dứt trừ sinh luận kia
 Lập ra nghĩa bất sinh
 Ta nói pháp như thế
 Kẻ ngu không thể biết
 Tất cả pháp bất sinh
 Vô tánh, không thật có
 Càn-thát-bà huyễn mộng
 Có tánh là vô nhân
 Bất sinh, vô tự tánh
 Vì sao không sẽ nói
 Do xa lìa hòa hợp
 Tánh giác biết chẳng hiện
 Cho nên không bất sinh
 Ta nói vô tự tánh
 Nói mỗi mỗi hòa hợp
 Tánh hiện chẳng phải có
 Phân tích không hòa hợp
 Chẳng như ngoại đạo thấy”.*

Dứt trừ sinh luận kia, nghĩa là bác bỏ luận chấp của ngoại đạo. Ngoại đạo tuy có nói bất sinh bất diệt, nhưng vọng tưởng phân biệt là nhân sinh diệt, cho nên nói sinh luận. Phật nói bất sinh diệt là thật lý trung đạo, đối với kia có sinh cho nên nói nghĩa bất sinh. Tất cả pháp trở xuống bài tụng này nói chẳng phải có, chẳng phải không, như thành Càn-thát-bà huyễn mộng. Tuy có mà vô nhân. Bất sinh vô tự tánh: nương văn trên lặp lại nêu ra, nói bất sinh là vô tự tánh, vô tánh là không. Thế nào là ta nói? Do lìa hòa hợp trở xuống là giải thích, nghĩa là đối với căn trần lìa tướng hòa hợp mà tánh giác biết tự nhiên chẳng hiện; chẳng hiện là không không thì chẳng sinh. Vì vậy nên Phật nói vô tự tánh. Nói mỗi mỗi trở xuống là lặp lại giải thích nghĩa trên, như văn có thể thấy.

26. Phật đạo nói bất sinh, ngoại đạo chấp vô nhân sinh:

*“Huyễn mộng và tóc rũ
 Sóng nắng, Càn-thát-bà
 Các thứ việc thế gian
 Vô nhân mà tướng hiện
 Đẹp trừ luận hữu nhân
 Nêu bày nghĩa vô sinh*

*Vì nêu bày vô sinh
 Dòng pháp mãi không dứt
 Thịnh hành luận vô nhân
 Làm ngoại đạo sợ hãi”.*

Mộng huyền... dụ cho pháp thế gian, vô nhân mà hiện tượng nói vốn không, tất cả đều nói lên nghĩa bất sinh. Kia phá lập thì chiết phục luận hữu nhân của ngoại đạo, nêu bày nghĩa vô sinh, nhưng ngoại đạo vốn chấp vô nhân mà sinh, còn nói có nhân là vì kia nói bất sinh bất diệt chính là vọng chấp, thật là nhân của sinh tử, nên bác bỏ là luận hữu nhân. Ngoại đạo đã diệt thì chánh pháp được truyền bá, luận vô sinh được nói rộng rãi, giúp cho ngoại đạo nghe mà sợ hãi.

27. *Có bốn câu hỏi đáp về luận thuyết vô nhân:*

Khi ấy, Đại Tuệ dùng kệ hỏi Phật:

*“Thế nào do nhân gì?
 Kia lại vì sao sinh?
 Ở chỗ nào hòa hợp?
 Mà làm luận vô nhân?”*

Đức Thế tôn lại dùng kệ đáp:

*Quán sát pháp hữu vi
 Chẳng vô nhân, có nhân
 Kia thuộc luận sinh diệt
 Chỗ thấy từ đó diệt”.*

Bài kệ vấn đáp này là nói về nghĩa luận vô nhân. Hỏi có bốn ý: Thế nào? Do nhân gì? Có gì? Chỗ nào? Mà làm luận vô nhân ư? Đáp cũng có bốn: Quán sát pháp hữu vi, là đáp chỗ nào! Hữu vi tức là pháp sinh diệt ở thế gian. Chẳng vô nhân có nhân, là đáp thế nào! Nghĩa là Phật pháp chẳng phải có, chẳng phải không. Kia thuộc sinh diệt luận, là đáp do nhân gì! Tức là do luận sinh diệt của ngoại đạo kia. Chỗ thấy từ đó diệt, là đáp có gì! Nghĩa là dứt trừ tà kiến của ngoại đạo kia.

28. *Hỏi về nghĩa Vô sinh:*

Khi ấy, Đại Tuệ nói kệ hỏi Phật:

*“Thế nào là vô sinh?
 Là vô tánh phải chăng?
 Là đoái xem các duyên
 Có pháp gọi vô sinh
 Tên không nên vô nghĩa
 Xin vì phân biệt nói”*

Đây hỏi nghĩa vô sinh, vì các pháp vô tự tánh gọi là vô sinh phải

không! Vì doái lại đợi các nhân duyên gọi là vô sinh phải không? Hay vì có pháp gọi là vô sinh riêng chẳng? Đã gọi vô sinh, thì phải có nghĩa vô sinh, xin Phật nói cho chúng con nghe.

29. Phật đáp về nghĩa Vô sinh:

*Đức Thế tôn lại dùng kệ đáp:
 Chẳng vô tánh vô sinh
 Cũng chẳng doái các duyên
 Chẳng có tánh mà gọi,
 Tên cũng chẳng vô nghĩa
 Tất cả các ngoại đạo
 Thanh văn và Duyên giác
 Thất Trụ chẳng cảnh giới
 Đó gọi tướng vô sinh.*

Trong đây đáp trước là ngăn lời hỏi, vì vô sinh không rơi vào hữu vô cho nên đều bác bỏ. Tên gọi cũng chẳng phải vô nghĩa, văn sau sẽ đáp. Gồm có ba ý:

1. Dùng địa vị chứng đắc để hiển bày, vì đây là giai vị vô sinh nhân, chẳng phải cảnh giới của phàm phu, Tiểu thừa và Bồ-tát thiên giáo an trụ. Thất trụ là Địa thứ bảy, vì Bồ-tát đạt đến Địa thứ tám mới phá được vô minh cho nên nói chẳng phải cảnh giới Thất Trụ.

*“Xa lìa các nhân duyên
 Cũng lìa tất cả việc
 Nếu trụ tâm hữu vi
 Năng tưởng, sở tưởng lìa
 Thân kia chuyển biến theo
 Ta nói là vô sinh”*

2. Do lìa các duyên cho nên chẳng đợi duyên. Đã lìa các duyên cũng lìa tất cả việc sinh tử, chỉ có tâm vắng lặng nhiệm mầu như thế mà an trụ. Do đó năng tưởng, sở tưởng phân biệt đều lìa, vọng tâm đã là diệu tâm, mà thân cũng càng tốt đẹp đó là vô sinh, do Phật nói.

30. Vì hữu vô chẳng thật có nên trong ngoài đều dứt:

*“Không ngoại tánh, vô tánh
 Cũng vô tâm nhiếp thọ
 Dứt trừ tất cả chấp
 Ta nói là vô sinh
 Như thế vô tự tánh
 Không thấy, nên phân biệt
 Chẳng không nên nói không*

Vô sinh nên nói không”

3. Vì hai tánh hữu vô chẳng thật có nên trong ngoài đều dứt. Không ngoại tánh tức là quên bên ngoài. Không tâm nhiếp thọ là quên bên trong. Trong ngoài đã quên thì dứt bỏ kiến chấp một, khác v.v... cũng như vậy, vô sinh tức vô tự tánh, vô tánh nên không không cũng có thể được, cho nên nói: Chẳng không nên nói không. Không tức là vô sinh. Lại nói vô sinh thuyết không.

31. Nêu lên nghĩa duyên sinh vô sinh:

*“Nhân duyên số hòa hợp
Nên có sinh có diệt
Lìa các số nhân duyên
Không có sinh diệt riêng
Lìa bỏ số nhân duyên
Lại không có tánh khác
Nếu nói có một, khác
Là ngoại đạo vọng tưởng
Tánh hữu vô bất sinh
Chẳng có cũng chẳng không
Trừ số kia chuyển biến
Áy đều chẳng thật có”.*

Ở đây đối với duyên sinh nêu lên nghĩa vô sinh, theo văn sau thì có mười hai nhân duyên, số pháp hòa hợp nên có sinh diệt. Nhưng mười hai hoặc nghiệp nhân duyên cũng từ nhân duyên căn trần mà khởi. Nếu lìa nhân duyên năng sinh thì pháp sở sinh đâu có, cho nên nói không có sinh diệt riêng. Nếu lìa nhân duyên sinh diệt, thì đâu còn có kiến chấp một, khác đồng với ngoại đạo. Nếu lìa một khác, cũng lìa bốn câu: có, không, chẳng phải có, chẳng phải không v.v... chỉ trừ bị nhân duyên xoay chuyển thì sẽ thông đạt vô sinh, các câu có không này đều chẳng thật có.

32. Nghĩa vô sinh không thật có:

*“Chỉ có các tục số
Xoay vẫn làm móc xích
Lìa xích nhân duyên kia
Nghĩa sinh không thật có
tánh vô sinh chẳng khởi
Lìa các lỗi ngoại đạo
Chỉ nói duyên móc xích
Phàm ngu không thể hiểu*

*Nếu lia duyên móc xích
Mà có tánh sinh mà riêng
Thì là luận vô nhân
Phá hoại nghĩa móc xích
Như đèn rõ các tướng
Móc xích hiện cũng vậy
Ấy là lia móc xích
Lại có các tánh riêng”.*

Các tục số, tức nhân duyên thế tục sinh tử, nghĩa là phàm phu từ xưa đến nay chỉ theo vọng duyên trôi lăn trong vòng sinh tử, như móc xích nối nhau chẳng dứt. Nếu biết rõ vọng duyên sinh tức là vô sinh, thì có thể nói nghĩa sinh không thật có. Nói sinh vô tánh không khởi... nghĩa là hiểu rõ sinh vô sinh tánh chấp chẳng khởi, thì lìa ngoại đạo tà kiến. Chỉ ta nói nghĩa nhân duyên móc xích, giúp cho họ hiểu sinh tức vô sinh. Phàm ngu không thể hiểu, nếu lìa ngoài nhân duyên năng sinh, mà có pháp sở sinh riêng thì ta nói luận vô nhân, mà trở lại tự bác bỏ nghĩa móc xích. Như đèn bày các tướng... Phật dạy ta nói nghĩa móc xích là muốn làm cho mọi người hiểu sinh tức vô sinh, nếu không thì lìa ngoài pháp sinh này mà tìm vô sinh riêng, như các vật do đèn mà hiển bày, chẳng phải ngay nơi vật là sáng, cho nên nói móc xích hiện cũng vậy, nghĩa là móc xích hiện như vậy thì ngoài nhân duyên có các pháp riêng.

33. *Sinh tức vô sinh gọi là pháp nhãn vô sinh:*

*“Vô tánh, không có sinh
Như tự tánh hư không
Nếu lia các móc xích
Tuệ không hề phân biệt
Lại có Vô Sinh khác
Pháp hiển Thánh chứng đắc
Kìa sinh mà vô sinh
Ấy là Vô Sinh nhãn”.*

Biết rõ pháp pháp do nhân duyên sinh tánh tướng không thật có, đó gọi là vô sinh, thì thể tánh kia như hư không, chẳng ngăn ngại. Nếu lìa duyên sinh mà tìm vô sinh riêng là trí tuệ không có dụng quán sát, cho nên nói tuệ không hề phân biệt. Lại có vô sinh khác là chỉ cho pháp mà các bậc Hiền Thánh trên đã chứng được, do hiểu rõ sinh tức vô sinh, đó gọi là vô sinh pháp nhãn.

34. *Hiểu rõ sinh tức vô sinh thì buộc thành mở:*

“Nếu khiến các thế gian
 Quán sát móc xích ấy
 Tất cả lia móc xích
 Ngay đó được Tam-muội
 Si ái các nghiệp thấy
 Đó là móc xích trong
 Dùi, gỗ, đất bánh xe
 Hạt giống thấy gọi ngoài
 Nếu khiến có tánh khác
 Mà từ nhân duyên sinh
 Kia chẳng nghĩa móc xích
 Cho nên chẳng thành tựu
 Nếu sinh vô tự tánh
 Kia lấy gì móc xích
 Vì xoay vần sinh nhau
 Nên biết nghĩa nhân duyên.

Ở đây nói chúng sinh ở thế gian nếu tiến tu quán sát pháp nhân duyên sinh, đương thể tức không thì chứng được Tam-muội vô sinh, lia móc xích. Nhưng nhân duyên sở quán có trong có ngoài, trong thì mười hai nhân duyên như vô minh v.v... ngoài thì các việc như dùi gỗ đất bánh xe... khoan dùi được lửa, bùn đất nặn thành bình, hạt giống sinh mầm chồi, ba thứ này gọi là nhân duyên bên ngoài. Nhân duyên bên ngoài này dùng thí dụ bên trong, chính là nói lia nhân duyên có pháp sinh riêng. Nếu cho rằng có pháp riêng từ duyên khác mà sinh thì đó chẳng phải khéo quán sát nghĩa nhân duyên, không thể thành tựu pháp nhãn vô sinh. Nếu hiểu rõ sinh tức vô sinh, thì buộc thành mở, nên nói kia lấy gì móc xích, nếu không thì trôi lăn trong sinh tử, đó gọi là nghĩa Nhân duyên.

35. Ngoại đạo vọng chấp tánh bốn đại chẳng hoại:

“Pháp cứng, ướt, ấm, động
 Phàm phu sinh vọng tưởng
 Lìa số không pháp khác
 Ấy là nói vô tánh”.

Bốn câu này là nói ngoại đạo vọng chấp tánh bốn đại chẳng hoại, cho là bất sinh bất diệt. Lìa số v.v... nghĩa là lìa nhân duyên mà nói pháp vô sinh.

36. trong cõi Phật mười phương chỉ có pháp Nhất thừa:

“Như thầy thuốc trị bệnh

*Chẳng có bao nhiêu cách
 Vì bệnh có khác nhau
 Nên có nhiều cách trị
 Ta vì chúng sinh kia
 Phá hoại các phiền não
 Biết căn tánh hơn kém
 Nói độ môn độ họ
 Chẳng gốc phiền não khác
 Mà có các thứ pháp
 Chỉ nói pháp Nhất thừa
 Ấy tức là Đại thừa”.*

Ý ở đây dụ cho sự lập giáo của Như lai, hoặc nói về bản ý xuất thế, chỉ nói Nhất thừa để độ chúng sinh, như người thầy thuốc giỏi chỉ dùng thuốc A-già-đà để trị bệnh tất cả chúng sinh, cho nên nói: chẳng có bao nhiêu cách, nhưng căn cơ chúng sinh khác nhau, không khỏi phải nương vào phương tiện, vì nói ba thừa dần dần điều phục, như tùy bệnh khác nhau mà cho các thứ thuốc, nhưng chẳng phải do căn cơ khác nhau mà pháp có khác, nếu quyền cơ thuận thực thì đều trở về nhất thật, cái gọi là trong các cõi Phật mười phương chỉ có pháp Nhất thừa.

37. Thưa hỏi lại về vô thường:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Tất cả ngoại đạo đều khởi vọng tưởng vô thường, Thế tôn cũng nói tất cả hạnh vô thường, là pháp sinh diệt. Nghĩa này thế nào? Là tà hay chánh? Là có mấy thứ vô thường?” Thường và vô thường tên gọi không khác ngoại đạo, không dùng nghĩa quyết định thì tà chánh làm sao phân biệt? Ở trên nói rõ bất sinh bất diệt là nghĩa chân thường, đã phá bỏ chấp của ngoại đạo, mà chưa phân biệt rõ sự khác nhau giữa vô thường tà chánh, cho nên quyết định thưa hỏi lại, lời hỏi có thể thấy rõ.

38. Nói về bảy thứ vô thường của ngoại đạo:

“Phật bảo Đại Tuệ: Tất cả ngoại đạo có bảy thứ vô thường, chẳng phải pháp của ta. Bảy thứ ấy là gì? Kia có nói rằng “làm rồi mà bỏ” ấy gọi là vô thường, có thuyết “hình xứ hoại”, đó gọi là vô thường, có thuyết ngay nơi sắc là vô thường, có thuyết giữa sắc chuyển biến, đó gọi là vô thường, không xen hở tự nó tan hoại, như sự chuyển biến sữa thành lạc khoảng giữa không thể thấy, vô thường hủy hoại tất cả tánh chuyển, có thuyết tánh vô thường, có thuyết tánh không tánh vô thường, có thuyết tất cả pháp bất sinh vô thường vào tất cả pháp! Bảy thứ vô thường đều là ngoại đạo chấp”. Trước nêu thứ lớp giải thích. Trong đây

chỉ nêu sắc chuyển biến vô thường, có liên quan đến giải thích nghĩa. Sắc là sắc do bốn đại tạo, chuyển biến gọi là sinh trụ dị diệt. Không xen hở tự nó tan hoại v.v... nghĩa là nối nhau chẳng dứt giúp cho biến khác tự nhiên trở về diệt, như sự chuyển biến của sữa lạt, tuy không thấy được nhưng ở trong pháp tự nhiên biến hoại tất cả pháp. Các thứ khác trong văn dưới giải thích đầy đủ, trong giải thích hoặc bao gồm phá chấp, hoặc chỉ giải thích nghĩa, nhưng không thứ lớp, không ngoài tánh sắc.

39. Bất sinh còn không có hướng chi có sinh tử để diệt:

Này “Đại Tuệ! Tánh, vô tánh, vô thường nghĩa là bốn đại và tự tướng sở tạo hoại, bốn đại tự tánh không thật có, bất sinh. Tánh vô tánh, nghĩa là tánh bốn đại đều vô tự tánh, tướng năng tạo và sở tạo đều trở về biến hoại, cho nên gọi là vô thường”. Tự tánh bốn đại... trở xuống là phá chấp của ngoại đạo, ý nói đại chủng tự tánh xưa nay bất sinh, bất sinh còn không có thì làm gì có sinh để diệt mà nói là vô thường ư!

40. Nêu nghĩa chánh và bác bỏ nghĩa tà:

“Kia chẳng sinh vô thường: chẳng phải thường, vô thường, tất cả pháp hữu vô bất sinh, phân tích cho đến cát bụi thì không thể thấy, ấy là nghĩa bất sinh. Phi sinh, đó gọi là tướng bất sinh vô thường, nếu chẳng hiểu được điều này thì rơi vào nghĩa sinh vô thường của tất cả ngoại đạo”. Trước nêu nghĩa chính sau bác bỏ nghĩa tà. Nói phi thường v.v... Phật dạy thường và vô thường tất cả hữu vô, các tướng đối pháp thể vốn bất sinh, cho đến phân tích đến cát bụi cũng không thể thấy, vì nghĩa đó nên nói vô sinh, đây là tướng bất sinh vô thường do Như lai nói, nếu không hiểu nghĩa này thì sẽ rơi vào kiến chấp nghĩa sinh vô thường của ngoại đạo, do ngoại đạo không hiểu rõ ý chỉ vô sinh. Tuy nói vô sinh nhưng thật là có sinh, cho nên bác bỏ nói sinh vô thường.

41. Việc có thể hoại mà tánh chẳng thể hoại:

Này “Đại Tuệ! Tánh vô thường, là tự tâm vọng tưởng, chẳng phải tánh thường, vô thường. Vì sao? Vì vô thường tự tánh chẳng hoại. Này Đại Tuệ! Đây là việc tất cả tánh, vô tánh vô thường. Trừ vô thường ra, thì không gì có khả năng làm cho tất cả pháp tánh không tánh: như gậy, gạch đá phá hoại các vật”. Nói tự tâm vọng tưởng v.v... Nghĩa là kia đối với phi thường, phi vô thường, tự sinh phân biệt cho là vô thường, làm hoại các pháp mà tự tánh chẳng hoại, đây là việc tánh, vô tánh, vô thường ở trước, ý nói việc có thể hoại mà tánh không thể hoại. Các pháp thế gian có hoại, là do vô thường, nên vô thường ở khắp trong các pháp. Như vậy gạch đá có công năng phá hoại các vật mà tự thể của nó

chẳng hoại.

42. Phật dạy các pháp hoại diệt thật cũng có nhân:

“Hiện thấy mỗi mỗi không khác, tánh này là việc vô thường, chẳng phải tác sở tác có khác nhau, đây là vô thường đây là sự. Tác và sở tác chẳng khác: tất cả tánh thường vì vô nhân tánh. Nay Đại Tuệ! Tất cả tánh, vô tánh có nhân, phàm ngu chẳng thể biết được”. Đây là phá chấp ngoại đạo. Phật cho rằng các pháp hiện thấy trước mắt không khác vô thường, đâu có tánh khác với sự, cho nên nói chẳng phải tác, sở tác có khác nhau, nên biết vô thường tức sự, sự tức vô thường, đây là năng sở không khác nên gọi là nghĩa thường. Về vô nhân tánh: Kinh Nhập Lăng-già chép: không thấy có nhân. Nói vô thường không phá hoại nhân các pháp, tất cả tánh... trở xuống: Phật dạy các pháp hoại diệt thật cũng có nhân, nhưng ý này hơi ẩn, phàm phu chẳng thể biết được.

43. Tất cả tánh tức là tất cả pháp:

“Chẳng phải nhân chẳng phải việc tương tự sự sinh. Nếu sinh thì tất cả pháp đều vô thường. Do việc chẳng tương tự này nên tác và sở tác không có khác nhau, mà đều thấy có khác. Nếu tánh vô thường nghĩa là rơi vào tác nhân tánh tương. Nếu rơi thì tất cả tánh chẳng rốt ráo. Tất cả tánh tác nhân tương rơi thì tự vô thường nên vô thường. Vì vô thường là vô thường nên tất cả tánh chẳng vô thường lẽ ra là thường”. Chẳng phải nhân chẳng tương tự sự sinh v.v... nghĩa là vô thường nếu chẳng có nhân thì không khác sự sinh. Nếu kia sinh thì tất cả pháp đều sinh với nó, thấy đều không thường, há chẳng phải việc khác nhau. Do nghiệm xét vô thường phải có nhân, như ngoại đạo chấp thì pháp này pháp kia, năng tác sở tác lẽ ra không khác nhau, mà hiện thấy có khác nhau, tại sao vọng chấp vô nhân sinh khác nhau ư! Nếu tánh vô thường, thì tánh ấy phải rốt ráo vô tác, vô tác tức là thường. Đã nói vô thường thì rơi vào các pháp hữu tác, chẳng phải nghĩa rốt ráo, lấy đó làm nhân thì rơi vào làm tánh tương cho nhân, mất nghĩa bản tánh. Nói tự vô thường lẽ ra nên vô thường, nghĩa là nếu tánh năng tác là vô thường thì lẽ ra đồng với pháp sở tác đều là vô thường, tự tánh đã vô thường thì pháp sở tác vô thường lẽ ra phải là thường. Tất cả tánh tức là tất cả pháp.

44. Đức Như lai tổng kết bác bỏ lỗi của ngoại đạo:

“Nếu vô thường nhập vào tất cả tánh thì nên rơi vào ba đời. Sắc quá khứ kia cũng phải hoại, sắc bất sinh ở vị lai bất sinh nên sắc hiện tại cũng bị hoại. Sắc là bốn đại nhóm hợp khác nhau, bốn đại và tạo sắc tự tánh chẳng hoại, vì lìa khác và chẳng khác. Tất cả ngoại đạo chấp tất cả bốn đại chẳng hoại, tất cả bốn đại và tạo sắc ở trong ba cõi, tại sở tri

thì có sinh diệt, lia bốn đại tạo sắc, tất cả ngoại đạo ở chỗ nào mà suy nghĩ tánh vô thường? Bốn đại chẳng sinh, vì tự tánh tướng chẳng hoại”. Nếu vô tánh thường trùm khắp trong các pháp thì thuộc thay đổi trong ba đời. Sắc quá khứ đã hoại, sắc vị lai chưa sinh, sắc hiện tại cùng hoại. Sắc tức sắc của bốn đại khác nhau, bốn đại năng tạo và sắc sở tạo, tánh kia chẳng hoại lia khác chẳng khác. Tất cả ngoại đạo này, cho rằng thể tánh bốn đại chẳng hoại như thế. Tất cả ba cõi... trở xuống, Kinh Nhập Lăng-già chép: trong ba cõi năng tạo và sở tạo đều là tướng sinh trụ diệt, đâu còn có tánh vô thường riêng, năng sinh đối với chúng sanh mà chẳng diệt ư! Đây là Đức Như lai tổng kết bác bỏ lỗi của ngoại đạo.

45. Chẳng phải mới tạo ra vô thường:

“Lìa mới tạo vô thường, chẳng phải bốn đại còn có cái khác với bốn đại, mỗi đại có tướng khác. Vì tự tướng chẳng phải khác nhau thật có. Kia chẳng khác nhau, đây thấy chẳng còn tạo, hai phương tiện chẳng làm, nên biết là vô thường”. Kinh Nhập Lăng-già chép: mới tạo tức bỏ vô thường, chẳng phải đại chủng tạo đại chủng lẫn. Vì mỗi đại chủng khác nhau nên chẳng phải tự tướng tạo, vì không khác nên chẳng còn chung tạo, vì trái lìa nên phải biết là chẳng phải mới tạo vô thường. Hai phương tiện, nghĩa là đồng khác lại có phương tiện tạo.

46. Bốn đại tạo sắc chẳng hoại:

“Hình xứ kia hoại vô thường, nghĩa là bốn đại và tạo sắc bất hoại, đến rốt ráo chẳng hoại. Nay Đại Tuệ! Rốt ráo, phân tích cho đến hạt bụi nhỏ quán sát hoại, bốn đại và hình xứ tạo sắc thấy khác dài ngắn không thật có chẳng phải bốn đại. Bốn đại chẳng hoại, hiện hình xứ hoại, rơi vào Số luận”. Hình xứ tức hình trạng, chính là bốn đại tạo sắc chẳng hoại, ngoại đạo chấp đây là bốn đại tạo sắc chẳng hoại, ngoại đạo chấp đây là năng tạo, sở tạo đến tột chẳng hoại, rốt ráo cũng như cùng cực, cùng tận. Nghĩa là phân tích tạo sắc đến cát bụi con không thể hoại, nhưng quán sát các các chấp diệt hoại, hình trạng dài ngắn v.v... chẳng hoại năng tạo, sở tạo sắc thể. Đây là lời nói của tục số, cho nên nói rơi vào Số luận.

47. Sắc tức là hành xứ vô thường:

“Sắc là vô thường, nghĩa là sắc tức là vô thường. Kia là hình xứ vô thường, chẳng phải bốn đại. Nếu bốn đại vô thường thì chẳng phải số lời nói của thế tục. Lời nói của thế tục chẳng phải tánh, sẽ rơi vào Thế luận. Thấy tất cả tánh chỉ có lời nói, chẳng thấy tự tánh sinh”. Sắc tức vô thường, ở đây nói sắc tức là hình xứ vô thường. Chẳng phải bốn đại, nghĩa là chẳng phải bốn đại chủng tánh. Nếu là đại chủng cũng vô

thường, đối với số lời nói của thế tục có trái có rơi, trái thì chẳng phải thế tục, rơi thì trái với chân, tiến lùi đều mất, đều chẳng phải chánh luận. Lại nói lời nói của thế tục chẳng phải tánh, là tổng kết lỗi trước. Thế luận tức là kiến chấp của ngoại đạo Lô-già-na kia, do họ vọng thấy các pháp chỉ có lời nói, chẳng có tự tánh tướng.

48. *Việc vô thường hoại mà tánh chẳng hoại:*

“Chuyển biến vô thường, nghĩa là sắc khác tánh hiện, chẳng phải bốn đại. Như vàng làm các món đồ trang sức chuyển biến hiện ra, chẳng phải tánh vàng bị hoại, chỉ các món đồ trang sức bị hoại. Như thế các tánh chuyển biến v.v... cũng giống như vậy” Sắc khác tánh hiện: sắc tức là sắc do bốn đại tạo ra, nghĩa là sắc thể biến khác nên tánh vô thường hiện, do chỗ hiện là hoại, chẳng phải bốn đại chủng hoại. Như vàng làm thành các đồ trang sức, đồ trang sức có biến hoại mà tánh vàng chẳng thay đổi. Nói việc vô thường hoại mà tánh chẳng hoại cũng giống như vậy.

49. *Tổng kết bác bỏ bảy thứ vô thường của ngoại đạo:*

“Như thế v.v... các thứ ngoại vô thường chấp vọng tưởng, khi lửa đốt bốn đại thì tự tướng chẳng bị thiêu đốt. Mỗi tự tướng hoại lẫn nhau, thì bốn đại tạo sắc lẽ ra nên đoạn”. Đây là tổng kết bác bỏ bảy thứ vô thường của ngoại đạo. Hễ các chấp đắm của ngoại đều nói theo bốn đại, đã chẳng phải chánh kiến cho nên nói vọng tưởng. Kinh Nhập Lăng-già chép: Kia tạo ra thuyết này, lửa không thể thiêu đốt tự tướng của các đại, chỉ mỗi thứ phân tán. Nếu thiêu đốt được thì năng tạo, sở tạo đều đoạn diệt. Vì bốn đại chủng bất hoại là chấp thường, bốn đại phân tán là chấp đoạn, các vọng tưởng kia không ngoài hai chấp này.

50. *Như lai chỉ bày chánh giáo để phân biệt với ngoại giáo khác:*

Này “Đại Tuệ! Ngã pháp khởi chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Vì sao? Vì tánh bên ngoài không quyết định, chỉ nói ba cõi duy tâm, chẳng nói các tướng có sinh có diệt. Bốn đại nhóm hợp khác với bốn đại và tạo sắc nên vọng tưởng hai thứ năng nhiếp và sở nhiếp. Biết hai thứ vọng tưởng, lia hai thứ chấp ngoại tánh vô tánh” đây là Như lai chỉ bày chánh giáo, để phân biệt với ngoại giáo khác. Ta nói các pháp khởi, đối với vô thường chẳng phải vô thường mà có thể thường, có thể vô thường, tức toàn thể khởi dụng, ngoại đạo mê muội điều này rơi vào chấp đắm hữu vô. Như trên đã nêu rõ. Ở đây đối với tà mà bày chánh, nên nói chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, cho nên dưới đây nêu để giải thích. Do pháp ngoại đạo không chắc chắn có, chỉ nói các pháp trong ba cõi đều do tâm hiện. Nói vi tâm là vọng tâm sát-na hiện ra,

hoặc nói tâm mâu nhiệm là sai. Đã hiểu rõ các pháp duy tâm, thì ngoài tâm không có pháp, không đồng với kia nói các tướng có sinh, có diệt. Các tướng là gì? Tức là tướng bốn đại hội hợp khác nhau, và bốn đại sắc năng tạo, sở tạo. Vì ngoại đạo cho rằng năng tạo đại chủng chẳng hoại, sở tạo các sắc có hoại. Phật dạy chẳng phải thường, chẳng phải vô thường thì đều bất sinh không diệt. Hai thứ vọng tưởng năng nhiếp, sở nhiếp, Kinh Nhập Lăng-già chép: thể tánh hai thứ Năng thủ, sở thủ, tất cả đều từ phân biệt khởi, cho nên có thể hiểu biết như thật thể tánh hai thứ năng thủ, sở thủ khởi vọng tưởng, tức biết các pháp duy tâm, lìa kiến chấp hữu vô.

51. Nêu tướng năng giác bất giác:

“Giác tự tâm hiện lượng vọng tưởng là tư tưởng tác hành sinh, chẳng phải không tác hành. Lìa tâm tánh thì không có tánh vọng tưởng, thế gian, xuất thế gian, và xuất thế gian thượng thượng, tất cả pháp chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng giác tự tâm hiện lượng, rơi vào hai bên ác kiến nối nhau. Tất cả ngoại đạo bất giác tự vọng tưởng phàm phu này không có cội gốc, nghĩa là thế gian, xuất thế gian, xuất thế gian thượng thượng, nói từ vọng tưởng sinh, phàm phu chẳng thể giác biết”. Đây là nêu tướng năng giác bất giác, giác tức là trí năng giác. Tự tâm hiện lượng v.v... đều là cảnh giới giác. Chúng sinh từ vô thể mê muội đối với thể duy tâm chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, cho nên khởi vọng tưởng.

Nay giác biết vọng tưởng do tư tưởng tác hành sinh, chẳng phải bất tác hành, đều là vọng tưởng. Đã biết rõ vọng tưởng thì lìa kiến chấp phân biệt hữu vô của tự tâm. Lìa chấp đắm này rồi thì các pháp thế gian, xuất thế gian, xuất thế gian thượng thượng, thể chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, lại vốn như một. Chẳng giác kia rơi vào hai bên, ác kiến có không nối nhau. Đây là do ngoại đạo thường ở trong vọng tưởng không biết tự tâm hiện lượng. Nói phàm phu không có cội gốc, là không biết các pháp khởi căn bản, chỉ cho rằng các pháp thế gian, xuất thế gian sinh ra vọng tưởng lời nói. Nhưng ba pháp này có cảnh giới lời nói khác nhau chẳng phải chỗ giác biết của phàm phu.

52. Đức Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*Xa lìa nơi sở tạo
Cùng với hình xứ khác
Tánh và sắc vô thường
Ngoại đạo ngu vọng tưởng*

*Các tánh không có hoại
 Mỗi đại tự tánh trụ
 Ngoại đạo tưởng vô thường
 Chìm trong các chấp đắm
 Các ngoại đạo kia thấy
 Vô hoặc sinh, hoặc diệt
 Mỗi đại tánh tự thường
 Sao nói tưởng vô thường
 Tất cả duy tâm lượng
 Hai thứ tâm trôi lặn
 Nhiếp thọ và sở nhiếp
 Không có ngã, ngã sở
 Phạm thiên là cội cây
 Cành nhánh trùm rộng khắp
 Như thế điều ta nói
 Chỉ là tâm lượng kia.*

Bốn câu đầu là tổng kết nêu lên lia các chấp, các tánh không có hoại v.v... Bài tụng trên là bác bỏ chung các chấp, nghĩa là kia dù vọng tưởng vô thường, mà tự tánh bốn đại chẳng hoại, cho nên nói: Mỗi đại tự tánh trụ. Lại nói: các chúng ngoại đạo kia v.v... lại nêu lên các ngoại đạo, nghĩa là kia chấp thật vốn bất sinh diệt, bốn đại tánh thường, cố nhiên tự như vậy, đâu được chắc chắn gọi là nghĩ là vô thường ư! Lại từ nơi quan trọng mà nêu bày nói rằng tất cả tâm hiện lượng... Kinh Nhập Lăng-già chép: Năng thủ và sở thủ tất cả tâm. Hai thứ từ tâm hiện, không có ngã, ngã sở, ngoại đạo chấp trời Tự Tại ban đầu tạo ra chúng sinh là có tình bốn. Như cây mọc lên cành lá che trùm tất cả, Phật dạy ta nói ngoại đạo chấp đắm như vậy đều là ngoại đạo vọng tưởng tâm lượng.

53. Khéo biết định Diệt tận thì chẳng rơi vào Chánh thọ của phàm phu nhị thừa:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin giảng nói tất cả Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác diệt chánh thọ thứ lớp nối nhau. Nếu giỏi về tướng diệt chánh thọ thứ lớp nối nhau, con và các Bồ-tát chẳng bao giờ vọng xả bỏ diệt chánh thọ lạc môn, chẳng rơi vào tất cả Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo ngu si”: Diệt chánh thọ, chánh thọ tức Tam-muội, chính là định diệt tận. Định này ba thừa đồng nhập mà vị thứ cạn sâu khác nhau. Khéo biết đây rồi thì đối với đại diệt định chẳng bỏ, chẳng rơi vào chánh thọ của phàm phu Tiểu

thừa, câu hỏi rất dễ thấy.

54. *Thông giáo ba thừa cùng thực hành Thập địa gồm có bốn nghĩa:*

“Phật bảo Đại Tuệ: Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, ta sẽ nói cho ông nghe. Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin nói cho con nghe. Phật bảo Đại Tuệ: Đại Bồ-tát Lục địa và Thanh văn, Duyên giác nhập diệt chánh thọ: Đại Bồ-tát địa thứ bảy niệm niệm chánh thọ, liả tất cả tánh tự tánh tướng chánh thọ, chẳng phải Thanh văn Duyên giác. Các Thanh văn, Duyên giác rơi vào hữu hành, giác biết tướng năng giác sở giác diệt chánh thọ. Cho nên Bồ-tát Thất địa chẳng phải niệm chánh thọ, được tất cả pháp tướng không khác nhau, chẳng phải được từng phần các thứ tướng tánh, giác tất cả pháp lành, không lành tánh tướng chánh thọ. Cho nên, Bồ-tát địa thứ bảy không có niệm lành chánh thọ. Nay Đại Tuệ! Bồ-tát Địa thứ tám và Thanh văn, Duyên giác tâm ý, ý, thức tướng vọng tướng diệt”. Trong đây đáp, tướng địa vị tăng tiến chẳng phải nhiều đường, đều y theo thông giáo ba thừa cùng thực hành Thập địa mà nói, gồm có bốn nghĩa: 1. Do Lục địa, Địa thứ bảy đối rõ cạn sâu, thì Lục địa là Ba thừa đồng nhập định diệt tận, địa vị này rất cạn vì Bồ-tát đặc định không khác gì hàng Nhị thừa. Bồ-tát Địa thứ bảy nhớ nghĩ chánh thọ v.v... Niệm niệm thì ra vào không xen hở, liả tất cả tánh, tự tánh tướng chánh thọ thì không chấp tất cả tướng năng nhiếp, sở nhiếp, cho nên khác với người Nhị thừa rơi vào có hành giác. Có hành giác, là hữu vi hành. Quyết dứt các tướng, sau mới được định. Cho nên Bồ-tát địa thứ bảy chẳng niệm chánh thọ, nghĩa là chẳng phải họ trụ chánh thọ của niệm. Lại nói rằng: Được tất cả pháp tướng không khác nhau, chính là giác tất cả pháp tánh tướng không khác nhau. Chẳng phải được từng phần: Là chẳng phải người Nhị thừa kia ở trong định được từng phần các tánh tướng. Pháp lành, bất lành, nghĩa là Bồ-tát đến Địa thứ bảy thì, còn chẳng trụ trong pháp lành, hướng chi là niệm không lành ư! Ấy gọi là vô thiện niệm chánh thọ. 2. Y theo Địa thứ bảy, Địa thứ tám để phân biệt rõ tướng khác, tức là tướng ý thức vọng tướng có diệt, chưa diệt, cao thấp khác nhau, đến Địa thứ tám ba thừa vọng tướng đều diệt, khác với Địa thứ bảy.

55. *Ngoại đạo rơi vào hữu vô, vọng chấp hai thứ.*

“Bồ-tát từ Địa thứ nhất đến Địa thứ bảy, quán ba cõi lượng tâm, ý, ý thức, liả ngã, ngã sở, tự vọng tướng tu, rơi vào ngoại tánh các thứ tướng. Hai thứ kể ngu tự tâm nhiếp, sở nhiếp: vừa rồi vô tri bất giác các lỗi ác thói quen luống dối từ vô tử xông ướp”. Kế là nói rõ ba thừa từ

Địa thứ nhất đến Địa thứ bảy quán ba cõi các pháp duy tâm, ý, thức. Nhưng tuy đồng quán mà vọng tưởng khác nhau, có diệt không diệt, được mất, lìa ngã, ngã sở v.v... thì được, rơi vào ngoại tánh các tướng v.v... thì mất. Hai thứ tự tâm: là ngoại đạo rơi vào hữu vô, vọng chấp năng thủ, sở thủ, hoàn toàn chẳng biết bất giác vô thủ lỗi ác thói quen huân tập nên.

56. *Bồ-tát được Phật che chở, vì giáo hóa chúng sanh nên không nhập Niết-bàn:*

“Đại Tuệ Đại Bồ-tát Địa thứ tám là Thanh văn, Duyên giác Niết-bàn. Bồ-tát là do Tam-muội giác gia trì, nên môn Tam-muội lạc chẳng vào Niết-bàn. Nếu chẳng gia trì thì Như lai địa chẳng đầy đủ, vì xả bỏ tất cả việc hữu vi của chúng sinh, hạt giống Phật sẽ bị dứt mất. Các Đức Phật, Thế tôn vì chỉ bày vô lượng công đức không thể suy nghĩ nói năng của Như lai. Thanh văn, Duyên giác đối với môn Tam-muội được vui dắt dẫn nên nghĩ là Niết-bàn” 3. Nói rõ Địa thứ tám ba thừa đồng một Niết-bàn mà có trụ, bất trụ khác nhau. Bồ-tát v.v... Nói Bồ-tát được Tam-muội giác lực của các Đức Phật che chở, vì giáo hóa chúng sinh đối với môn Tam-muội không nhập Niết-bàn. Nếu không che chở, thì không thể đầy đủ công hạnh đến địa vị Như lai, ấy là bỏ chúng sinh mà không hóa độ, cũng làm hư hạt giống Như lai. Cho nên các Đức Phật nói công đức không thể suy nghĩ nói năng để khuyến khích tiến lên, giúp cho chúng sinh đạt đến rốt ráo. Người Nhị thừa tự điều phục tự độ, chấp Tam-muội lạc nghĩ là Niết-bàn, đó là sai lầm.

57. *Phân biệt bộ loại khác nhau:*

Này “Đại Tuệ! Ta phân bộ Địa thứ bảy khéo tu tướng tâm, ý, ý thức, khéo tu ngã, ngã sở, nhiếp thọ người pháp vô ngã, tự tướng, cộng tướng sinh diệt, khéo được bốn vô ngại quyết định lực môn Tam-muội, địa vị thứ lớp nối nhau vào pháp đạo phẩm”. Phân bộ nghĩa là phân biệt bộ loại có thiện, bất thiện, diệt, bất diệt v.v... khác nhau, ý muốn cho Bồ-tát khéo tu tướng tâm, ý, thức, hiểu rõ thức tánh vốn không để dứt vọng tưởng. khéo tu ngã, ngã sở v.v... nghĩa là hiểu rõ hai pháp chấp người pháp, nhiếp thọ hai tánh vô ngã, không rơi vào tự tướng, cộng tướng sinh diệt, khéo được bốn vô ngại biện tài và quyết định năng lực Tam-muội thì định tuệ bình đẳng, do đó dần dần bước lên các địa. Đắc Bồ-đề phần.

58. *Phật nói địa thứ lớp nối nhau:*

“Chẳng khiến Đại Bồ-tát chẳng giác tự tướng, cộng tướng, chẳng rành về Địa thứ bảy rơi vào lối tà của ngoại đạo, cho nên lập địa thứ

lớp. Nay Đại Tuệ! Kia thật không có hoặc sinh hoặc diệt, trừ tự tâm hiện lượng nên nói địa thứ lớp nối nhau và các hạnh ba cõi, là điều kẻ ngu không thể giác. Điều kẻ ngu không thể giác, ta và các Đức Phật nói địa thứ lớp nối nhau và nói các hạnh ba cõi”. Chẳng để cho Bồ-tát: Phật sợ Bồ-tát không hiểu rõ tự tướng, cộng tướng, không biết thứ lớp các địa, rơi vào đường tà của ngoại đạo, như cho nên nói địa vị thứ lớp. Lại bảo rằng: Kia thật không có sinh diệt, thứ lớp các địa trong ba cõi trở lại, tất cả đều do tự tâm hiện ra, nhưng những kẻ ngu không thể hiểu biết. Do không hiểu nên ta và các Đức Phật vì nói như thế.

59. *Chấp đắm hai thứ vô ngã chẳng phải chánh tuệ vắng lặng:*

“Lại nữa Nay Đại Tuệ! Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát địa thứ tám bị cái vui của diệt môn Tam-muội làm cho say mê, chẳng khéo rõ tự tâm hiện lượng, bị thói quen tự tướng, cộng tướng làm chướng, rơi vào người pháp vô ngã, kiến chấp pháp nhiếp thọ, vọng tưởng khởi Niết-bàn, chẳng phải trí tuệ giác Niết-bàn”. 4. Nêu bày Nhị thừa đến Bồ-tát địa bị cái vui Tam-muội làm cho say. Diệt tức định diệt tận. Mê say tức là cái vui Tam-muội, do kia mê say, không thể khéo biết duy tâm hiện, bị thói quen tự tướng, cộng tướng che lấp: chấp đắm hai thứ vô ngã nhiếp thọ, nghĩa là kiến chấp pháp, vọng tưởng không dứt, nghĩ là Niết-bàn, chẳng phải chánh tuệ vắng lặng.

60. *Bồ-tát thông giáo thấy lý chân không Niết-bàn:*

Này “Đại Tuệ! Bồ-tát thấy cái vui của diệt môn Tam-muội, bốn nguyện thương xót, đại bi thành tựu, biết phân biệt mười câu vô tận, chẳng vọng nghĩ là Niết-bàn. Kia đã Niết-bàn, vọng tưởng chẳng sinh, lia vọng tưởng năng nhiếp, sở nhiếp, giác rõ tự tâm hiện lượng tất cả các pháp, vọng tưởng chẳng sinh, chẳng rơi ngoài tâm ý, ý thức, chấp đắm vọng tưởng tướng tánh, tự tánh, chẳng phải Phật pháp, nhân chẳng sinh, tùy trí tuệ mà sinh được Như lai tự giác địa”. Thấy diệt Tam-muội v.v... là nói Bồ-tát Thông giáo thấy lý chân không Niết-bàn, khác với chấp vui của Nhị thừa. Nhớ nghĩ bi nguyện độ sinh, tu hành mười vô tận ái, chẳng nghĩ là Niết-bàn. Đã chẳng trụ không thì lia năng thủ, sở thủ, hiểu rõ các pháp duy tâm, chẳng sinh phân biệt, chẳng lia tâm thức, chấp đắm tánh tướng của pháp. Vọng tưởng đã bắt sinh thì không còn nhân thọ sinh, thành tựu nhân Phật pháp, đạt đến địa vị Như lai.

61. *Khi mộng chẳng phải không thức rồi chẳng phải có:*

“Như người nằm mộng thấy dùng phương tiện qua sông, khi chưa qua đã thức, thức rồi suy nghĩ là chánh hay tà? Hay chẳng phải chánh chẳng phải tà? Các cái thấy nghe hiểu biết từ vô tử nhân tướng, các

thói quen, các thứ hình xứ rơi trong tướng hữu vô nên tâm ý, ý thức mộng hiện: “Đây là ví dụ pháp của Bồ-tát tự hành hóa tha, ý nói rằng khi mộng chẳng phải không, thức rồi chẳng phải có, mà chính là chẳng thật chẳng hư, chính là dụ cho Bồ-tát Địa thứ tám, mới thấy thật lý rốt ráo là độ sinh. Dùng Tam-muội như huyền lập ra, cho nên như khi mộng tác dụng, và được pháp nhãn vô sinh hiển bày vô công dụng đạo, như thức rồi mà được. Nói chưa qua sông mà tỉnh: địa vị chưa cùng cực nên chưa đến bờ giác ngộ. Là tà hay là chánh: Xét sự hư thật này. Chẳng phải chánh, chẳng phải tà: Nói cùng tốt lý kia. Các sự thấy nghe hiểu biết từ vô thủy do tướng v.v... nghĩa là các chúng sinh mê muội chỉ vì thấy nghe hiểu biết từ vô thủy đến nay bị vọng tưởng huân tập, mà có các thứ hình trạng rơi vào chấp hữu vô, cho nên có việc tâm thức mộng hiện.

62. Mộng sinh tử được dụ như con sông lớn:

Này “Đại Tuệ! Như thế Đại Bồ-tát đối với Bồ-tát địa thứ tám thấy vọng tưởng sinh. Từ Địa thứ nhất chuyển tiến đến thứ bảy địa, thấy tất cả pháp phương tiện như huyền v.v... độ tâm vọng tưởng năng nhiếp, sở nhiếp, rồi thì thực hành phương tiện Phật pháp, người chưa được khiến được. Này Đại Tuệ! đây là Bồ-tát Niết-bàn phương tiện chẳng hoại, lìa tâm ý, ý thức, được pháp nhãn vô sinh. Này Đại Tuệ! Đối với Đệ nhất nghĩa không có thứ lớp nối nhau, nói pháp không thật có, vọng tưởng vắng lặng”. Đây là hợp với ví dụ ở trên, nghĩa là Bồ-tát này chấp vọng tưởng sinh, tức dụ mộng sinh tử như con sông lớn, từ Địa thứ nhất chuyển tiến lên Địa thứ bảy, thấy các pháp là phương tiện như huyền... tức là nghĩa phương tiện năng độ. Độ tâm hạnh vọng tưởng năng nhiếp, sở nhiếp rồi, tức là tự tu hành, vượt tất cả nghĩa vọng tưởng về căn cảnh v.v... khởi phương tiện Phật pháp, người chưa được giúp cho được, tức là dùng tự độ để độ chúng sinh, cũng là nghĩa chúp cho người chưa độ được độ. Niết-bàn phương tiện chẳng hoại, nghĩa là Bồ-tát đắc Niết-bàn mà chẳng hoại việc phương tiện độ sinh. Lìa tâm ý: là nói Bồ-tát đến Địa thứ tám được vô công dụng đạo như dụ thức rồi mà được. Cũng là kết thúc nêu bày tên nhãn, cho nên nói được pháp nhãn vô sinh. Đối với Đệ nhất nghĩa v.v... kết thúc nêu bày, là nói đối với Đệ nhất nghĩa không có thứ lớp mà nói có thứ lớp, không có nối nhau mà nói có nối nhau, không thật có vọng tưởng nói có vọng tưởng, pháp không vắng lặng nói pháp vắng lặng, vì trong Đệ nhất nghĩa để một pháp cũng không thật có, hướng chỉ là thứ lớp nối nhau ư! Nhưng đều nương vào tâm lượng chúng sinh, phương tiện hóa môn vốn không có nói trong phân biệt.

63. Đức Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Tâm lượng không thật có
 Trụ này và Phật địa
 Khứ, lai và hiện tại
 Các Phật ba đời nói
 Tâm lượng Địa thứ bảy
 Không thật có thứ tám
 Hai địa gọi là Trụ
 Phật địa gọi Tối thắng
 Tự giác trí và tịnh
 Đây tức là địa ta
 Chỗ Tự tại tối thắng
 Thanh tịnh màu trang nghiêm
 Chiếu sáng như lửa mạnh
 Ánh sáng soi khắp nơi
 Sáng lòa chẳng hư mắt
 Xoay vần hóa ba cõi
 Hóa ba cõi hiện tại
 Hoặc có khi trước hóa
 Nơi kia giảng nói thừa
 Điều là Như lai địa
 Thập địa tức là sơ
 Sơ tức là Địa thứ tám
 Đệ cửu tức thứ bảy
 Thất cũng lại là bát
 Thứ hai là thứ ba
 Thứ tư là thứ năm
 Thứ ba là thứ sáu
 Không có thứ lớp gì”.*

Tám câu đầu, trước chung sau riêng. Riêng là đệ Địa thứ bảy vẫn giữ gìn tâm lượng, Địa thứ tám thì không thật có, y cứ hai địa này phân biệt rõ gọi là Trụ. Trụ nghĩa là y chỉ. Địa thứ tám tuy không thật có nhưng vẫn còn định trụ, chỉ Phật địa là tối thắng. Tự giác trí và tịnh v.v... các bài kệ tụng đều nói Như lai địa, chẳng hư mắt, là nói ánh sáng của Như lai tuy chiếu soi khắp nơi, nhưng khác với ánh sáng điện chớp làm hại mắt người, xoay vần khắp nơi. Nghĩa là Như lai xoay vần hóa độ ba cõi, lập ra giáo hóa vô cùng hóa độ chung cả ba đời, trước là chỉ thời quá khứ. Thừa tức là Đại thừa, Tiểu thừa. Nói Thập địa là Địa thứ

nhất v.v... là do không thứ lớp hiển bày viên dung kia. Rốt ráo mà nói là vắng lặng, chân như có địa vị thứ lớp gì cho nên nói không có thứ lớp gì.

64. Chỗ chứng chẳng phải thường chẳng phải vô thường

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác là thường hay vô thường? Phật bảo Đại Tuệ: Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, nghĩa là cả hai đều có lỗi. Nếu thường thì có lỗi làm chủ về thường, tất cả ngoại đạo nói tác giả, không có sở tác. Cho nên Như lai thường, vô thường, chẳng phải tác, thường có lỗi. Nếu Như lai vô thường thì có lỗi tác vô thường, sở tướng của ấm thì tướng vô tánh, ấm hoại thì lẽ ra dứt, mà Như lai chẳng phải dứt”. Ở trước nói thường, vô thường rất nhiều, mà chưa nói rõ pháp của Như lai chứng là thường hay vô thường, nói theo lý, thì điều nói ở trước đâu phải ngoài điều này, nếu không nói riêng về hoặc thì mê muội, cho nên lại vì người chưa hiểu mà thưa hỏi. Trong đây đáp, trước là chỗ chứng chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, vì lý sở chứng kia dứt trăm phi, lìa cả các lỗi, khác với vọng chấp của ngoại đạo kia cho nên nói song phi (bác bỏ cả hai). Nếu cho rằng thường, vô thường thì cả hai đều có lỗi. Nếu Như lai là thường thì đồng với ngoại đạo chấp thân ngã là thường của năng tác. Chủ tức là thân ngã, mà Như lai nói thường là vô sở tác, cho nên thường mà chẳng thường, chẳng phải cái thường do kia tạo tác mà có lỗi. Nếu Như lai vô thường là có sở tác, đồng với năm ấm là có tướng sở tướng; tướng kia vô tánh nên ấm hoại đáng lẽ dứt, nhưng thường của Như lai thì chẳng dứt.

65. Tất cả những gì làm ra đều vô thường:

Này “Đại Tuệ! Tất cả sở tác đều vô thường, như bình, y...tất cả đều là lỗi vô thường, bậc Nhất thiết trí đầy đủ phương tiện nên ứng với vô nghĩa, vì là sở tác nên tất cả sở tác đều phải là Như lai, vì không có nhân tánh khác nhau. Cho nên Này Đại Tuệ! Như lai chẳng phải thường, chẳng phải vô thường”. Nói tất cả sở tác như bình, y... đều qui về vô thường, thì nói lên chỗ tu phước trí của Như lai đều không vô ích. Nếu đồng sở tác thì tất cả hữu tác lẽ ra đều phải là Phật. Đầy đủ nghĩa là đầy đủ phước đức trang nghiêm. Không có nhân tánh khác nhau, nghĩa là Phật và các pháp sở tác là đồng thì chẳng có nhân tánh riêng, cho nên tổng kết nói, v.v...

66. Như lai là thường:

“Lại nữa Này Đại Tuệ! Như lai chẳng phải như hư không là thường. Như hư không thường thì tự giác Thánh trí có các lỗi vô nghĩa. Này Đại

Tuệ! Thí như hư không chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, lìa thường, vô thường, một, khác, đồng, chẳng đồng. Thường, vô thường đều có lỗi nên không thể nói, vì thế Như lai là phi thường. Lại nữa Đây Đại Tuệ! Nếu Như lai vô sinh là thường, như sừng thỏ, sừng ngựa... vì vô sinh là thường nên phương tiện vô nghĩa. Bởi vô sinh là thường thì có lỗi nên Như lai phi thường. Lại nữa Đây Đại Tuệ! Còn có các việc khác biết Như lai là thường. Vì sao? Vì đã được trí Vô gián thường nên Như lai là thường”. Nói Như lai chẳng phải như hư không là thường v.v... Kinh Nhập Lăng-già chép: Nếu là thường thì lẽ ra như hư không, không đợi nhân thành, nhưng tự giác Thánh trí chính là kết quả do Như lai tu đức, hiển bày thì không phải là lỗi. Lại nói thí như hư không chính là nói lên bác bỏ cả hai, lìa các cú, cho nên không thể nói thường. Lại nữa, nếu là thường thì là vô sinh, như sừng thỏ, sừng ngựa xưa nay bất sinh thì không có nghĩa phương tiện lợi ích chúng sinh, cho nên nói Như lai phi thường. Lại nữa, còn có các việc khác biết Như lai là thường, như trên nói chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, là y theo tánh đức viên lìa, nhưng Như lai xứng tánh viên chứng cũng được nói là thường, nói đã được trí Vô gián, là trí rốt ráo thí giác vô ngại.

67. Có Phật hay không Phật thì tánh tướng vẫn thường trụ:

Này “Đại Tuệ! Hoặc Như lai, ra đời hoặc không ra đời, pháp cũng quyết định trụ, Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Như lai Vô gián trụ, chẳng trụ hư không, người ngu chẳng thể hay biết. Đây Đại Tuệ! Trí Như lai chứng được là do Bát-nhã huân, chẳng phải tâm, ý, ý thức các ấm, giới, nhập xứ huân. Đây Đại Tuệ! Tất cả ba cõi đều là do vọng tưởng sinh ra chẳng thật, Như lai chẳng từ tướng luống dối không thật sinh ra. Đây Đại Tuệ! Do hai pháp nên có thường, vô thường, chẳng phải không hai, không hai là vắng lặng, vì tất cả pháp không hai tướng”. Nếu Như lai ra đời v.v... Đây là nói pháp tánh, Như lai chứng có Phật hay không Phật tánh tướng vẫn thường trụ, lý này cùng khắp, không xen hở phạm Thánh, cho nên nói Vô gián trụ. Nói chẳng trụ hư không là nói lên thường trụ, chỉ vì phạm phu mê muội nên không biết. Trí do Như lai chứng được v.v... là trí của tu đức, toàn tánh được Bát-nhã huân phát, khác với tâm thức của chúng sinh là ấm, giới, nhập v.v... sở huân. Lại nói rằng Như lai khác với ba cõi từ vọng tưởng sinh, cho nên từ công đức chân thật sinh ra. Nói hai pháp: Là hai pháp luống dối sinh và chân thật sinh, nhưng trong pháp luống dối tuy nói thường, vô thường chưa hiển thật lý, đều thuộc về vô thường, lý chân thật rốt ráo của Như lai, lý vốn chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Chỉ nói thường là ý

nói nghiêng ý về viên, nhưng pháp thường mà Như lai chứng tức là vô thường, đó là không thông đạt ý chỉ này. Lời nói phân biệt có thường, vô thường, cho nên nói chẳng phải không hai. Nhưng không hai, tức là lý vắng lặng. Xét về tất cả các pháp đều đầy đủ lý không hai, cho nên nói không có hai tướng sinh.

68. *Thật lý mà Như lai chứng đắc vốn là vọng tưởng nói năng hữu vô:*

“Cho nên Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác chẳng phải thường, chẳng phải không thường. Nay Đại Tuệ! Cho đến lời nói phân biệt sinh thì có lỗi thường, vô thường. Phân biệt giác diệt thì là kiến chấp thường, vô thường của kẻ ngu chẳng được vắng lặng, trí tuệ là hẳn sự huân xông của thường vô thường, chẳng phải thường vô thường”. Ở đây nói thật lý mà Như lai chứng đắc vốn là vọng tưởng lời nói hữu vô, có liên quan đến lời nói phân biệt thì rơi vào lỗi hai bên. Phân biệt giác diệt thì tức đường lời nói bật, chỗ tâm hành diệt, đạt đến đây là là các lỗi, do nên nói là hẳn thường vô thường. Nói phi thường vô thường huân, do phân biệt hai thứ phi cũng là ác kiến, nếu là phân biệt thì sở huân cũng là.

69. *Đức Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:*

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Các vật đều vô nghĩa

*Sinh lỗi thường, vô thường Nếu không phân
biệt giác Là hẳn thường vô thường Từ tông
sở lập này*

*Có ra các nghĩa tạp Bình đẳng tự tâm
lượng Lời nói không thật có?*

Các thứ vô nghĩa v.v... nghĩa là còn mê muội tu đức chưa hiển hiện, đều rơi vào lỗi thường, vô thường. Nếu không còn phân biệt thì là hai bên đến chỗ vắng lặng. Từ đó mà lập tông, nghĩa là ngoại đạo chấp thường, và bảy thứ vô thường đều là tà kiến, cho nên nói có các nghĩa tạp. Nếu dùng trí Phật... quán sát tự tâm hiện lượng, khế hợp với thật lý, thì tất cả phân biệt lời nói đều không thật có.

